

business
edge

HỌC ĐỂ THÀNH CÔNG | HỌC ĐỂ GIÀU

KẾ TOÁN DÀNH CHO NHÀ QUẢN LÝ

KHÁM PHÁ BÍ MẬT CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH & KẾ TOÁN

business
edge

HỌC ĐỂ THÀNH CÔNG | HỌC ĐỂ GIÀU

KẾ TOÁN DÀNH CHO NHÀ QUẢN LÝ

KHÁM PHÁ BÍ MẬT CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tái bản lần thứ năm

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH & KẾ TOÁN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Bộ phận Đào tạo Linh hoạt Pergamon
Trực thuộc Butterworth-Heinemann
Cao ốc Linacre, Jordan Hill, Oxford OX2 8DP
225 Đại lộ Wildwood, Woburn, MA 01801-2041
Một bộ phận của Elsevier

Thành viên của Reed Elsevier plc group

OXFORD AUCKLAND BOSTON
JOHANNESBURG MELBOURNE NEW DELHI

Bản in tiếng Anh:
In lần thứ nhất 1986
In lần thứ hai 1991
In lần thứ ba 1997
© NEBS Management 1986, 1991, 1997

Bản in tiếng Việt:
In lần thứ nhất 2003

Cuốn sách này được bảo hộ bởi Luật Bản Quyền. Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức (bao gồm sao chụp hoặc lưu trữ bằng các phương tiện điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác dù vô tình hay cố ý) nếu không được phép bằng văn bản của pháp nhân nắm giữ bản quyền, ngoại trừ trường hợp tuân theo các điều khoản của Luật Copyright, Designs and Patents Act 1988 hoặc dựa theo những quy định của giấy phép cấp bởi Copyright Licensing Agency Ltd, số 90 Đường Tottenham Court, Luân Đôn W1P 0LP. Đơn xin cấp giấy phép tái bản phải được gửi về địa chỉ của Pergamon.

Bản in NEBSM Superseries 2 (22 cuốn) do NEBS Management xuất bản theo thỏa thuận với Elsevier Science Ltd, The Boulevard, Langford Lane, Kidlington, OX5 1GB, Anh.

Những quan điểm trình bày trong sách này là những quan điểm của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của National Examining Board for Supervision and Management hay của nhà xuất bản.

Nhóm xuất bản tại Việt Nam:

Giám đốc Bộ phận
Hỗ trợ Doanh nghiệp: John McKenzie
Chuyên viên Nội dung: Ths. Tạ Trí Nhân
Thiết kế Chương trình: Ths. Phan Thị Hồng Đức
Quản lý Dự án: TS. Trần Phương Trình
Cố vấn Kỹ thuật: Mark Nielsen
Nhà xuất bản: NXB Trẻ

Cuốn sách được biên soạn dựa trên tài liệu
nguyên bản của nhóm xuất bản tại Anh:

Giám đốc Dự án NEBS Management:
Diana Thomas
Tác giả: Raymond Taylor
Biên tập: Ian Bloor
Biên tập bộ sách: Diana Thomas
Dựa theo tài liệu gốc của Peter Elliot



bảo trợ xuất bản.

Mục Lục

Giới thiệu cuốn sách **i**

1	Cuốn sách này cần thiết cho ai?	i
2	Giới thiệu chung	i
3	Mục tiêu cuốn sách	iii
4	Tôi sẽ tìm được gì từ cuốn sách?	iii
5	Phương pháp học	iv
6	Hãy đặt mục tiêu học cho mình!	vii

Phần A Vai trò của kế toán **1**

1	Dẫn nhập	1
2	Quá trình hoạt động của doanh nghiệp	2
3	Công dụng của sổ sách kế toán	4
4	Tóm tắt	14
5	Suy ngẫm	15

Phần B Tổng quan về các báo cáo tài chính **17**

1	Dẫn nhập	17
2	Tổng quan về các báo cáo tài chính	18
3	Bảng cân đối kế toán	19
4	Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	24
5	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	27
6	Thuyết minh báo cáo tài chính	34
7	Tóm tắt	37
8	Suy ngẫm	38

Phần C Các yếu tố của báo cáo kế toán 39

1	Dẫn nhập	39
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	40
3	Bảng cân đối kế toán	46
4	Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng dự báo tiền mặt	56
5	Tóm tắt	69
6	Suy ngẫm	70

Phần D Các yếu tố của báo cáo kế toán 71

1	Dẫn nhập	71
2	Phân tích chỉ tiêu tài chính	72
3	Tóm tắt	89
4	Suy ngẫm	90

Đánh giá kết quả 91

1	Bài kiểm tra nhanh	91
2	Bài tập tình huống	93

Hãy tóm lược và suy ngẫm 95

1	Tóm lược và suy ngẫm	95
2	Kế hoạch hành động	97
3	Đáp án bài tập tự đánh giá	101
4	Đáp án một số bài tập thực hành	104
5	Đáp án bài kiểm tra nhanh	105
6	Đáp án bài tập tình huống	106
	Phụ lục	110

Giới thiệu cuốn sách

- *Cuốn sách này cần thiết cho ai?*
- *Giới thiệu chung*
- *Mục tiêu cuốn sách*
- *Tôi sẽ tìm được gì từ cuốn sách?*
- *Phương pháp học*
- *Trước khi bắt đầu*
- *Hãy đặt mục tiêu học cho mình!*

1 Cuốn sách này cần thiết cho ai?

Nằm trong bộ sách *Quản trị Tài chính & Kế toán*, cuốn *Kế toán dành cho nhà quản lý* được thiết kế dành riêng cho:

- chủ doanh nghiệp;
 - các nhà quản lý trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- với mục đích trang bị cho họ những công cụ và kiến thức quản lý cơ bản.

Tuy nhiên, nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ và sinh viên nghiên cứu lĩnh vực quản trị cũng có thể tham khảo cuốn sách này, nó có thể giúp các bạn có cái nhìn tổng thể về các vấn đề quản lý.

Kế toán không đơn thuần là công việc của nhân viên kế toán. Nó là công cụ của nhà quản lý để hoạch định ngân sách cho tương lai, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cuốn sách này có thể giúp bạn nâng cao hiểu biết về lĩnh vực kế toán thông qua việc đọc và hiểu báo cáo tài chính, từ đó giúp bạn có thêm thông tin để ra quyết định tốt nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

2 Giới thiệu chung

Kế toán là ngôn ngữ chung của kinh doanh. Là nhà quản lý hoặc chủ doanh nghiệp, bạn phải trao đổi và cung cấp các thông tin tài chính kế toán cho nhiều đối tượng khác nhau, như nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, công ty kiểm toán độc lập, cán bộ tín dụng ngân hàng, cơ quan thuế, hội đồng quản trị, chủ đầu tư... Những nghiệp vụ này thường đặc biệt quan trọng và ảnh hưởng không nhỏ đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Rất nhiều nhà quản lý cho rằng kế toán cực kỳ phức tạp và rối rắm, không thể nào “nuốt nổi”. Chúng tôi đã tham khảo ý kiến một số nhà quản lý doanh nghiệp. Họ thường cho rằng: **“Tôi hiểu tầm quan trọng của tổ chức bộ máy kế toán. Tôi muốn tìm hiểu về kế toán, nhưng tôi không có thời gian để học. Tôi phải đầu tư thời gian, công sức của mình cho việc phát triển sản xuất kinh doanh. Tôi là nhà quản lý chứ không phải nhân viên giữ sổ sách...”**

Vâng, bạn hoàn toàn đúng. Lập báo cáo tài chính, cung cấp số liệu được yêu cầu là nhiệm vụ của phòng kế toán. Nhưng bạn có thể tự đọc và hiểu ý nghĩa của các con số “biết nói” trên các dạng báo cáo tài chính đó mà không cần đến thông dịch viên không? Phải chăng công việc quản lý của bạn sẽ hiệu quả và trôi chảy hơn nếu bạn tự trả lời được các câu hỏi dưới đây:

- Báo cáo tài chính là gì? Tại sao phải lập báo cáo tài chính?
- Một báo cáo tài chính bao gồm những dạng báo cáo nào?
- Sử dụng báo cáo tài chính như thế nào?
- Những số liệu, thông tin nào là chỉ số quan trọng trên báo cáo tài chính?
- Các chỉ số tài chính nói gì về tình hình tài chính của doanh nghiệp?

Cuốn sách này có bốn phần, bạn có thể học theo khả năng của mình, lướt qua các phần khác và đến ngay chủ đề bạn quan tâm. Tuy nhiên, để tránh kiến thức bị xáo trộn, không hệ thống, dẫn đến mơ hồ, khó hiểu khi nhảy từ phần này sang phần khác, bạn nên hoàn thành từng phần theo thứ tự trong cuốn sách.

Phần A sơ lược quá trình hoạt động của doanh nghiệp và giải thích tại sao doanh nghiệp phải theo dõi sổ sách kế toán. Phần B - tổng quan về các báo cáo tài chính - là phần cơ bản để giúp bạn tự xây dựng một nền tảng kế toán ban đầu. Khi bạn đã hoàn toàn quen thuộc với định dạng của các báo cáo tài chính, chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết từng báo cáo, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong phần C. Trọng tâm của phần D là phân tích các chỉ tiêu tài chính quan trọng để đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của toàn doanh nghiệp, cũng như mức đóng góp của từng phòng ban trong kết quả chung.

3 Mục tiêu cuốn sách

Khi học hết cuốn sách này bạn sẽ có khả năng tốt hơn để:

- giải thích năm lý do chính tại sao doanh nghiệp phải theo dõi sổ sách kế toán;
- đọc và hiểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán;
- mô tả thủ tục lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ để dự báo, kiểm soát nguồn tiền;
- sử dụng các tỷ số tài chính để phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh.

4 Tôi sẽ tìm được gì từ cuốn sách?

Cuốn sách này được chia thành nhiều phần tập trung vào từng chủ đề cụ thể liên quan đến mục tiêu của cuốn sách. Trong từng phần, bạn sẽ tìm thấy:

- **lý thuyết** bao gồm nội dung chi tiết, giải thích và ví dụ về các khái niệm chủ yếu;
- **bài thực hành** được đan xen vào nội dung nhằm giúp bạn chủ động suy nghĩ về khái niệm và vấn đề đang được thảo luận;
- **bài tập tự đánh giá** nhằm giúp bạn đánh giá những kiến thức mà bạn tiếp thu được từ mỗi phần của cuốn sách;
- **tóm tắt** các điểm quan trọng trong nội dung của từng phần;
- cơ hội để bạn **suy ngẫm** những điều tâm đắc trong từng phần của cuốn sách, từ đó xây dựng kế hoạch hành động cho công việc của bạn.
- Ngoài ra, bạn cũng sẽ tìm thấy trong phần cuối cuốn sách:
- **bài kiểm tra nhanh** để kiểm tra sự hiểu biết của bạn về các khái niệm trong cuốn sách;
- **bài tập tình huống** cho phép bạn áp dụng kiến thức và kỹ năng của bạn vào việc phân tích một tình huống cụ thể;
- cơ hội để **suy ngẫm và đánh giá** mức độ đạt được các mục tiêu học tập của bạn đối với cuốn sách;
- **kế hoạch hành động** nhằm áp dụng những kiến thức trong cuốn sách vào thực tiễn công việc của bạn;
- **đáp án tham khảo** cho các bài tập tự đánh giá, kiểm tra nhanh và bài tập tình huống.

Giới thiệu cuốn sách

Để giúp bạn tiện theo dõi nội dung của cuốn sách, các biểu tượng sau đây được sử dụng:



Hãy tập trung nỗ lực làm các bài tập thực hành, bài kiểm tra nhanh và bài tập tình huống.



Hãy tự đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của bạn sau mỗi phần học.



Hãy ghi nhớ các nội dung chính của từng phần học.



Sau mỗi phần học, bạn hãy dành 5 phút ngẫm nghĩ về những điều bạn tâm đắc và muốn áp dụng.



Hãy lưu ý.

5 Phương pháp học

5.1 Tôi nên học ở đâu?

Bất cứ nơi nào!

Cuốn sách này được thiết kế đặc biệt theo phương pháp tự học, cho nên bạn có thể nghiên cứu cuốn sách này ở mọi nơi. Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao nhất, bạn nên tập trung, tránh bị phân tâm bởi các yếu tố xung quanh.

5.2 Tôi nên học khi nào?

Bất cứ lúc nào!

Mỗi người sẽ có thời gian thích hợp riêng để nghiên cứu cuốn sách một cách hiệu quả. Tốt nhất là bạn nên lập kế hoạch trước và dành một khoảng thời gian nhất định để học cuốn sách này. *Bạn đừng bỏ qua các bài thực hành trong từng phần, bởi vì chúng giúp bạn củng*

cố lại kiến thức vừa học và dẫn dắt bạn sang nội dung tiếp theo. Cũng không nên lo lắng nếu như bạn mất thời gian cho một bài thực hành nào đó hơi lâu hơn so với thời gian dự kiến. Hãy nghiên cứu cuốn sách theo khả năng tiếp thu của bạn.

5.3 Tôi nên học như thế nào?

Bất cứ cách nào!

Cuốn sách này được thiết kế để tự học trong thời gian 10 tiếng, nhưng không có nghĩa là bạn phải cố gắng dành đúng 10 tiếng liên tục để hoàn thành cuốn sách. Tốt nhất bạn nên bắt đầu bằng một thời gian biểu đều đặn, ví dụ mỗi lần chỉ học một tiếng. Học đều đặn sẽ có kết quả tốt hơn nhiều so với thỉnh thoảng học dồn trong một thời gian dài. Tuy nhiên, bạn cũng không nên kéo dài thời gian học cuốn sách, nếu không bạn sẽ cảm thấy chán nản. Khi sử dụng cuốn sách này, bạn nên có sẵn trong tay cây bút chì có tẩy (gôm) để có thể ghi chép hoặc linh hoạt thay đổi nhiều lần phần bài tập thực hành và các bài tập khác.

Cuốn sách sẽ dẫn dắt bạn qua các hoạt động học tập sau: học, đọc, ghi chép, làm các bài thực hành, bài tập tự đánh giá, bài kiểm tra nhanh, bài tập tình huống, phần tóm lược và suy ngẫm. Sau mỗi phần học, bạn hãy dừng lại ít phút ở trang *Suy ngẫm* để điểm lại những điều bạn cảm thấy tâm đắc nhất và những dự định mà bạn muốn áp dụng vào thực tiễn công việc. Điều này giúp bạn từng bước xây dựng *Kế hoạch Hành động* sau khi nghiên cứu xong cuốn sách.

Hãy thảo luận các ý tưởng và kinh nghiệm thực tế với đồng nghiệp hoặc cộng sự của bạn. Điều đó sẽ giúp bạn nâng cao sự hiểu biết và khắc sâu những gì bạn đã học. Nên tìm một người cùng học để giúp bạn duy trì tinh thần học tập cho đến khi kết thúc cuốn sách.

Hãy thảo luận các ý tưởng và kinh nghiệm thực tế với đồng nghiệp hoặc cộng sự của bạn. Điều đó sẽ giúp bạn nâng cao sự hiểu biết và khắc sâu những gì bạn đã học. Nên tìm một người cùng học để giúp bạn duy trì tinh thần học tập cho đến khi kết thúc cuốn sách.

Khi bạn đã học xong cuốn sách, bạn sẽ có cơ hội để áp dụng những điều bạn học theo hai cách thức sau:

- giải quyết vấn đề đặt ra trong bài tập tình huống;
- lập kế hoạch hành động.

Bài tập tình huống sẽ mô tả một tình huống thực tế xảy ra trong các doanh nghiệp Việt Nam. Nó sẽ giúp bạn xem xét tất cả những điều bạn đã học và kết hợp với các kinh nghiệm của bạn để xây dựng một giải pháp thực tế cho một vấn đề phức tạp.

Kế hoạch hành động là một cơ hội để bạn áp dụng lý thuyết vào thực tiễn và tạo ra sự thay đổi tại nơi làm việc của bạn! Nếu cần thiết, bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp hoặc cộng sự để xây dựng kế hoạch hành động. Hãy cụ thể hóa kế hoạch hành động thành từng bước và định lượng thời gian hoàn thành cho mỗi bước. Lưu ý rằng kế hoạch hành động là một công cụ hướng dẫn linh hoạt, chứ không phải là một khuôn khổ cứng nhắc. Hãy treo kế hoạch hành động tại nơi làm việc của bạn, thường xuyên kiểm tra lại và điều chỉnh nếu thấy cần thiết.

5.4 Ai có thể giúp tôi?

Bất cứ người nào!

Bạn có thể tìm sự giúp đỡ từ rất nhiều người:

- **Chính bản thân bạn.** Khi gặp phải vấn đề chưa hiểu, hãy cố gắng đọc lại. Đừng bỏ cuộc. Nếu bạn vẫn chưa hiểu, hãy tạm ngưng, thư giãn rồi đọc lại lần nữa.
- **Gia đình, bạn bè hoặc đồng nghiệp.** Ngay cả khi họ không hiểu chủ đề mà bạn đang trao đổi thì trong quá trình thảo luận biết đâu câu trả lời lại loé lên ngay trong đầu bạn.
- **Dịch vụ hỗ trợ.** Một số tổ chức đào tạo và giáo dục sẽ giúp bạn tiếp cận với các nhà chuyên môn để giải đáp các câu hỏi và các vấn đề vướng mắc. Bạn có thể liên hệ với Business Edge để biết thông tin về các dịch vụ này. (xem địa chỉ liên lạc của Business Edge ở bìa cuốn sách).

5.5 Việc học của tôi sẽ được đánh giá như thế nào?

Nếu bạn nghiên cứu cuốn sách một cách độc lập, thì chính các bài thực hành, các bài tập tự đánh giá, các bài kiểm tra nhanh và kế hoạch hành động sẽ giúp bạn tự đánh giá tiến bộ của mình.

Các bài tập thường không có câu trả lời chính xác duy nhất. Đáp án cho các bài tập chỉ mang tính tham khảo và hướng dẫn, do vậy câu trả lời của bạn có thể không hoàn toàn giống như đáp án.

6 Trước khi bắt đầu

Một số bài thực hành đòi hỏi bạn phải chuẩn bị trước. Bạn có thể xem qua các Thực hành sau đây để chuẩn bị những gì cần thiết.

Thực hành 9,10,12,14,16,40: Yêu cầu bạn xem xét định dạng và cách trình bày của Báo cáo tài chính. Hãy chuẩn bị sẵn một bảng Báo cáo tài chính của doanh nghiệp bạn cho các Thực hành này.

Thực hành 17 và 28: Yêu cầu bạn xem xét cách trình bày Báo cáo tài chính cuối năm của các loại hình doanh nghiệp để tìm hiểu sự khác nhau. Hãy thu thập 2-3 báo cáo tài chính của doanh nghiệp sản xuất, công ty dịch vụ thương mại, ngân hàng, khách sạn hay bất kỳ tổ chức nào khác. (Bạn có thể đến sàn giao dịch chứng khoán hay vào các website để thu thập thông tin.)

7 Hãy đặt mục tiêu học cho mình!

Nào bây giờ, bạn hãy dành ít phút suy nghĩ và viết ra những mong đợi của mình.

Các kết quả mà tôi muốn đạt được cho bản thân tôi là:

(Ví dụ: Tôi muốn hiểu cách lập dự báo tiền mặt.)

.....

.....

.....

.....

Giới thiệu cuốn sách

Các kết quả mà tôi muốn đạt được cho doanh nghiệp của tôi là:
(Ví dụ: Tôi muốn các nhân viên hiểu được các quyết định của họ ảnh hưởng như thế nào đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.)

.....

.....

.....

Chúc bạn thành công!

Chúng tôi hy vọng rằng bạn sẽ thích cuốn sách này. Dù bạn học ở đâu, học lúc nào, học với ai, và học bằng cách nào, bạn luôn khám phá và gặt hái những điều mới mẻ và bổ ích. Chúc bạn thành công theo phương thức *học linh hoạt*.

Phần A

Vai trò của kế toán

- *Dẫn nhập*
- *Quá trình hoạt động của doanh nghiệp*
- *Công dụng của sổ sách kế toán*
- *Tóm tắt*
- *Suy ngẫm*

1 Dẫn nhập

Tiền bạc hẳn là quan trọng đối với tất cả chúng ta, dù chúng ta với tư cách cá nhân hay là thành viên của một tổ chức nào đó.

Đối với cá nhân, việc tiêu số tiền kiếm được hàng tháng thế nào là tùy ý họ. Nếu thích thì người đó cũng có thể ghi chép lại cẩn thận. Nhưng thường thì họ cứ xài cho tới hết và không quản lý gì cả.

Đối với một doanh nghiệp, mọi thứ phức tạp hơn nhiều. Khái niệm “tiền” không đơn thuần là các tờ giấy bạc trong két sắt của doanh nghiệp, mà tiền nên được hiểu là “tài sản” của họ. Việc không quản lý được tài sản sẽ dẫn đến các mất mát và về lâu dài doanh nghiệp sẽ bị phá sản. Do đó, doanh nghiệp kinh doanh phải có hệ thống sổ sách nghiêm chỉnh, ghi chép chính xác và đầy đủ chi tiết các hoạt động của mình nếu còn muốn tồn tại và hướng tới tương lai một cách nghiêm túc. Hệ thống sổ sách này được gọi là hệ thống kế toán. Hệ thống này không đơn thuần là công cụ giúp doanh nghiệp quản lý tài sản mà nó còn là công cụ cung cấp thông tin cho quản lý. Ví dụ, một nhà sản xuất được yêu cầu làm một sản phẩm nhưng chưa có sẵn thiết bị chuyên dùng. Họ sẽ phải mua máy móc và thiết bị mới. Bạn thử nghĩ xem họ có dám ký hợp đồng sản xuất không nếu họ không biết được hiện còn bao nhiêu tiền mặt, đang nợ bao nhiêu, và sắp tới phải thanh toán bao nhiêu nợ?

A

2 Quá trình hoạt động của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp khác nhau thường có thể theo đuổi các mục tiêu và chiến lược khác nhau. Tuy nhiên, mục tiêu chung nhất của mọi doanh nghiệp là lợi nhuận. Cho dù hiện nay doanh nghiệp đang chấp nhận chịu lỗ để theo đuổi mục tiêu khác (ví dụ như tăng thị phần), thì mục đích cuối cùng doanh nghiệp nhắm đến vẫn là lợi nhuận.

Vì vậy, bất cứ một doanh nghiệp nào, dù quy mô lớn hay nhỏ, đều có thể được mô tả như một hệ thống các quyết định tài chính có liên quan với nhau.

Thực hành 1

3 phút 



Hãy liệt kê **ba** quyết định mà bạn cho là quan trọng, ảnh hưởng đến hoạt động chính của doanh nghiệp.

.....

.....

.....

Bạn có thể liệt kê ra rất nhiều quyết định:

- Quyết định mua máy nào để sản xuất?
- Quyết định trả lương/ thưởng nhân viên bao nhiêu?
- Quyết định chương trình khuyến mãi ra sao?
- Quyết định đi vay ở ngân hàng nào? v.v...
- Bạn sẽ thấy hầu hết các quyết định quan trọng đều mang tính chất của/hoặc liên quan đến những quyết định tài chính.

Tại sao bạn chọn mua máy đóng gói của Đức mà không phải của nước nào khác? (Giả thiết là cả hai máy này đều có thể giúp bạn sản xuất ra được các sản phẩm mong muốn). Câu trả lời thường là vì máy do Đức sản xuất ít tốn chi phí bảo trì hơn và do đó, lợi nhuận doanh nghiệp đạt được sẽ cao hơn.

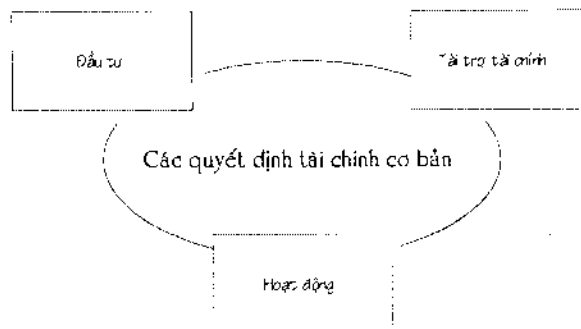
Tương tự như vậy, giám đốc doanh nghiệp cũng thường đau đầu với các quyết định về lương và thưởng cho nhân viên. Mục tiêu của việc này nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên, khuyến khích nhân viên làm việc tốt hơn. Tuy nhiên, mục tiêu cuối cùng vẫn là tăng năng suất và hiệu quả công việc của nhân viên, gián tiếp đưa đến tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

A

Các chương trình khuyến mãi thường được các công ty bán hàng tiêu dùng đưa ra để “kích cầu”. Có thể trong thời điểm khuyến mãi, doanh nghiệp sẽ bị lỗ vì chi phí tăng đột biến. Nhưng doanh nghiệp hy vọng rằng sau đợt khuyến mãi, thương hiệu của doanh nghiệp sẽ trở nên quen thuộc với người tiêu dùng, khách hàng tiếp tục sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp, doanh số các kỳ tiếp theo sẽ tăng và doanh nghiệp sẽ có lãi trong tương lai.

Quyết định đi vay ở ngân hàng nào sẽ phụ thuộc vào lãi suất mà ngân hàng đó áp dụng cho doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp giảm được chi phí lãi vay thì lợi nhuận doanh nghiệp sẽ tăng lên tương ứng.

Nhìn chung, các quyết định trong doanh nghiệp có thể nhóm lại thành 3 loại quyết định tài chính liên quan nhau: **quyết định đầu tư** (mua máy A hay B), **quyết định hoạt động** (trả lương nhân viên bao nhiêu, thực hiện chương trình khuyến mãi như thế nào) và **quyết định tài trợ tài chính** (vay ở ngân hàng nào).



Nhưng làm thế nào để chúng ta có thể biết được ảnh hưởng tổng thể của các quyết định từ bộ phận sản xuất đến bộ phận tiếp thị... lên kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp? Các nhân viên kế toán sẽ giúp chúng ta việc này thông qua việc định ra các tài khoản và thiết lập các bảng báo cáo tài chính.

A

3 Công dụng của sổ sách kế toán

Sổ sách kế toán là những ghi chép của một cá nhân, doanh nghiệp, hội đoàn, câu lạc bộ, tổ chức từ thiện hoặc cơ quan hành chính sự nghiệp... để theo dõi tình hình tài chính của những đơn vị này. Để có thể hiểu nhau một cách thống nhất, tất cả các tổ chức cần phải sử dụng cùng một ngôn ngữ khi mô tả các giao dịch tài chính của mình. Ngôn ngữ đó là kế toán.

Doanh nghiệp phải thực hiện các ghi chép kế toán vào những tài khoản định trước vì một số lý do nhất định. Có năm lý do chính sau:

- biết doanh nghiệp đang mắc nợ bao nhiêu và có bao nhiêu tiền vốn sở hữu;
- biết người khác nợ doanh nghiệp bao nhiêu;
- biết doanh nghiệp đang sở hữu những gì;
- có dữ liệu để kiểm tra các hoạt động kinh doanh đảm bảo sinh lợi hay đạt mục tiêu dự kiến;
- có dữ liệu để lập kế hoạch cho tương lai.

Theo Luật Kế toán Việt Nam, tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tại Việt Nam bắt buộc phải duy trì hệ thống sổ sách kế toán. Bạn cũng cần lưu ý rằng, kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ danh mục các tài khoản và hệ thống các báo cáo tài chính bắt buộc của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không đi sâu vào khía cạnh pháp lý và các luật lệ kế toán trong phạm vi cuốn sách này.

Chỉ cần mở sổ ghi chép đơn giản là đã thỏa mãn được ba yêu cầu đầu tiên. Hai yêu cầu còn lại đòi hỏi phải ghi chép cẩn thận và lập các báo cáo tài chính. Chúng ta sẽ xem xét các báo cáo này ở phần tiếp theo trong cuốn sách này.

3.1 Ghi chép giao dịch

Thực hành 2

5 phút 



Giả sử bạn kiếm được 2 triệu đồng một tháng và nhận lương vào cuối mỗi tháng. Như vậy, trên thực tế doanh nghiệp đã nợ bạn khoảng 77 ngàn đồng mỗi ngày, cho tới ngày cuối cùng của tháng (tháng làm việc 26 ngày, mỗi tuần nghỉ ngày Chủ nhật).

Suy luận tương tự, bạn cũng đang nợ một số người khác dịch vụ phí cho những dịch vụ bạn đang sử dụng nhưng phí đến cuối tháng mới phải thanh toán như tiền điện, điện thoại, bảo hiểm... Đặt trường hợp các dịch vụ mà bạn đang sử dụng có tổng phí hàng ngày ước tính như sau:

Thứ hai	50 ngàn đồng
Thứ ba	45 ngàn đồng
Thứ tư	80 ngàn đồng
Thứ năm	60 ngàn đồng
Thứ sáu	20 ngàn đồng
Thứ bảy	40 ngàn đồng
Chủ nhật	20 ngàn đồng

Hãy ghi chép tài khoản nợ hàng tuần của bạn vào bảng sau. Bút toán đầu tiên đã được ghi sẵn làm mẫu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Doanh nghiệp nợ bạn	Bạn nợ người khác
Thứ hai	77	50
Thứ ba		
Thứ tư		
Thứ năm		
Thứ sáu		
Thứ bảy		
Chủ nhật		
Tổng cộng		

Bạn có thể tham khảo câu trả lời ở phần *Đáp án một số bài tập thực hành* ở cuối cuốn sách. Cách ghi sổ của doanh nghiệp có nguyên tắc tương tự như vậy, chỉ khác về số lượng nghiệp vụ và số tiền mà thôi.

Yêu cầu đặt ra ở đây là bạn phải biết khi nào mình cần tiền để thanh toán, ví dụ tiền bảo hiểm chẳng hạn, vì nhân viên bảo hiểm đều tìm gặp bạn đều đặn mỗi kỳ (quý, tháng hay năm). Như vậy, bạn

A



Thực hành 3

2 phút

Siêu thị Vô-Ra nợ Công ty sữa Mê-Ly 30 triệu đồng. Tại thời điểm này, Siêu thị Vô-Ra không có đủ tiền mặt để trả cho Công ty sữa Mê-Ly. Tuy nhiên, Siêu thị Vô-Ra hiện có một khách hàng mua chịu 30 triệu đồng và chưa thanh toán.

Giám đốc Siêu thị Vô-Ra sẽ tính toán thế nào để quyết định thời hạn có thể trả nợ cho Công ty sữa Mê-Ly?

.....

.....

.....

.....

Giám đốc của Siêu thị Vô-Ra chắc hẳn muốn biết khi nào thu hồi được khoản nợ 30 triệu đồng từ khách hàng. Khi nào số tiền này thu về thì Siêu thị Vô-Ra mới thanh toán được cho Công ty sữa Mê-Ly. Vì vậy, giám đốc cần biết những ngày doanh nghiệp thu được tiền về, đặc biệt là ngày mà doanh nghiệp thu đủ hết số tiền. Từ đó, họ mới có thể cam kết thanh toán cho Công ty sữa Mê-Ly vào một ngày cụ thể nào đó. Dĩ nhiên là Siêu thị Vô-Ra phải rất tin tưởng vào thời điểm thanh toán hứa hẹn của khách hàng nợ.

Một doanh nghiệp có thể có nhiều khoản nợ và khoản khách hàng nợ mình. Do vậy, việc có một hệ thống sổ sách kế toán chuẩn xác để quản lý nợ và lập kế hoạch thanh toán nợ là rất quan trọng.

Thực hành 4

5 phút



Giả sử Công ty sữa Mê-Ly không đồng ý với đề nghị của Siêu thị Vô-Ra và muốn được thanh toán ngay. Giám đốc Siêu thị Vô-Ra có thể làm gì? Bạn hãy thử đề xuất hai ý kiến mà Siêu thị Vô-Ra nên (có thể) làm trong khi họ chưa có đủ tiền để trả cho Công ty sữa Mê-Ly.

Có một số khả năng mà bạn có thể đề xuất, ví dụ:

- Tuyên bố phá sản do không thanh toán được nợ vay. (Không hề khuyến khích điều này nhé!).
- Mượn ở đâu đó 30 triệu đồng để thanh toán cho Công ty sữa Mê-Ly. (Bạn vẫn mắc nợ 30 triệu!).
- Bán bớt một phần tài sản trị giá 30 triệu (có thể là hàng hóa, đất đai hoặc máy móc thiết bị dư dưng).

Trường hợp Siêu thị Vô-Ra đã cho chúng ta thấy việc ghi chép kế toán liên hệ mật thiết đến việc cung cấp những thông tin như:

- Công ty hiện đang **sở hữu** tài sản trị giá bao nhiêu?
- Công ty hiện đang **cho nợ** bao nhiêu?
- Công ty hiện đang **mắc nợ** bao nhiêu?

Mọi loại hình tổ chức, doanh nghiệp sẽ tương tự Siêu thị Vô-Ra. Doanh nghiệp phải trả lương nhân viên và các khoản chi khác đúng hạn. Các tổ chức phải thực hiện các kế hoạch tài chính vào đúng ngày đã định trước. Hãy hình dung nếu tiền không có sẵn vào đúng thời hạn cần kíp thì khách hàng, đối tác của các tổ chức, doanh nghiệp đó sẽ phản ứng như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu điều đó ở phần dưới đây.

3.2 Lập ngân sách

Từ các phần trên, bạn đã biết rằng doanh nghiệp cần phải duy trì sổ sách để:

- biết số tiền doanh nghiệp mắc nợ và sở hữu;
- biết số tiền doanh nghiệp cho nợ;
- biết trị giá tài sản doanh nghiệp sở hữu.

A

Chúng ta sẽ xem xét hai lý do còn lại:

- cung cấp dữ liệu để tính toán lãi/(lỗ)
- cung cấp dữ liệu để lập kế hoạch ở các Thực hành dưới đây.

Thực hành 5

2 phút 



Giả định thu nhập tháng này của bạn là 3 triệu đồng và bạn phải thanh toán các khoản sau:

- | | |
|---|----------------|
| ■ Các chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày | 1,5 triệu đồng |
| ■ Cước phí điện thoại di động, Internet | 500 ngàn đồng |
| ■ Học phí cho con | 300 ngàn đồng |
| ■ Mua xe máy trả góp | 1 triệu đồng |

Rõ ràng là bạn không có đủ tiền để trả các món trên. Bạn còn thiếu những 300 ngàn đồng mới trả hết.

Từ Thực hành 4, chúng ta biết bạn có thể vay ở đâu đó 300 ngàn đồng hoặc lỗi hẹn thanh toán một khoản, nhưng đó không phải là sự lựa chọn tốt. Để tới tháng sau, tình hình càng căng thẳng hơn vì lúc đó bạn cũng thiếu thêm 300 ngàn đồng nữa và còn nợ cũ 300 ngàn đồng.

Thử ghi ra giải pháp của bạn cho tình huống này?

.....

.....

.....

Đương nhiên là bạn phải tăng thu nhập hoặc giảm chi tiêu. Bạn có thể:

- Bán bớt chiếc xe, nếu tiền bán trang trải được khoản đã vay để mua xe;
- Không sử dụng điện thoại di động hay chuyển sang hình thức rẻ hơn;
- Tiết kiệm chi tiêu các khoản thường ngày.

Để tránh mắc nợ triền miên, thu nhập của bạn phải lớn hơn số tiêu xài. Và nguyên tắc này cũng đúng cho mọi tổ chức hay doanh

ngiệp. Về lâu dài chẳng có doanh nghiệp nào có thể tồn tại nếu thu nhập, cho dù từ tiền bán hàng, lãi đầu tư, tiền tài trợ...ít hơn các khoản chi tiêu.

3.3 Tính toán lãi/(lỗ)

A

Một doanh nghiệp muốn tồn tại thì hoạt động phải có lãi, hay ít ra thì thu nhập cũng đủ để bù chi phí. Do vậy, lý do thứ tư mà doanh nghiệp phải duy trì hệ thống kế toán là hệ thống này sẽ cho phép doanh nghiệp đánh giá các hoạt động hàng ngày của mình từ đó đảm bảo khả năng sinh lợi từ các hoạt động này.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng thu nhập} - \text{Tổng chi phí}$$

Doanh nghiệp không làm ra lợi nhuận thì ít ra phải đảm bảo hòa vốn:

$$\text{Tổng thu nhập} = \text{Tổng chi phí}$$

Có vậy mới mong tồn tại!

Thực hành 6

2 phút 



Theo bạn, doanh nghiệp sẽ sử dụng lợi nhuận vào những việc gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Bạn có thể đưa ra rất nhiều đề nghị như:

- để thưởng chủ doanh nghiệp và/hoặc nhà đầu tư – những người đã “hi sinh” các cơ hội đầu tư khác để tài trợ cho các hoạt động của doanh nghiệp;
- để có nguồn tiền tái đầu tư, thay thế những máy móc thiết bị đã hỏng;
- để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

3.4 Lập kế hoạch

A

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến lý do thứ năm tại sao doanh nghiệp phải có sổ sách kế toán. Giả sử thu nhập hàng tháng của bạn là 3 triệu đồng và bạn tiêu hết 2,5 triệu mỗi tháng. Bạn để dành được 500 ngàn đồng một tháng. Bạn có ý định năm tới sẽ đi du lịch nước ngoài với chi phí khoảng 7 triệu đồng. Tuy nhiên trong 12 tháng tới đây bạn chỉ mới để dành được 6 triệu đồng. Và đương nhiên, kế hoạch du lịch của bạn phải được điều chỉnh lại vì kém thực tế.

Doanh nghiệp cũng sẽ gặp phải những vấn đề tương tự. Họ phải lập kế hoạch dựa trên những dự báo hiện thực về số tiền sẽ có. Như bạn đã thấy trong bài tập trước, việc tạo ra lợi nhuận sẽ quan trọng thế nào khi bạn muốn đưa kế hoạch vào thực hiện.

Như vậy, lý do thứ năm là hệ thống kế toán sẽ giúp doanh nghiệp lập những kế hoạch có tính thực tế.

Thực hành 7

2 phút 



Luận dự tính xưởng cơ khí Bàn Tay Vàng của anh ta sẽ tạo ra 500 triệu đồng lợi nhuận trong năm tới. Luận đang suy tính sử dụng số tiền lời này như thế nào.

- Thưởng mỗi nhân viên 10% lương, tốn hết 350 triệu đồng.
- Lấy tiền mua riêng cho Luận một chiếc xe hơi mới trị giá 400 triệu đồng.
- Mua thêm máy móc trị giá 450 triệu đồng, và số máy móc này dự báo sẽ có thể mang lại 150 triệu đồng lợi nhuận tăng thêm mỗi năm.
- Gửi hết vào tài khoản tiền gửi ngân hàng phòng khi công việc kinh doanh gặp khó khăn.

Bạn hãy nêu ra một ý kiến ủng hộ và một ý kiến chống đối cho từng phương án sử dụng lợi nhuận trên của Luận.

1.
.....

2.

.....

3.

.....

4.

.....

Bạn có thể đưa ra rất nhiều ý kiến. Ví dụ, việc thưởng thêm 10% lương sẽ khích lệ tinh thần làm việc và sự gắn bó của nhân viên. Tuy nhiên họ lại nảy sinh mong đợi một khoản tương tự trong những năm tới và có thể họ còn hoạch định khoản tiền này vào ngân sách chi tiêu gia đình năm sau. Thậm chí nhân viên còn cho rằng khoản tiền thưởng này nên được cộng dồn luôn vào lương của năm tới. Tóm lại, điều này phần nhiều phụ thuộc vào quan hệ chủ thợ hiện tại giữa Luận và nhân viên.

Vì xưởng cơ khí là của riêng Luận nên anh ta hoàn toàn có quyền lấy lợi nhuận để mua xe riêng cho mình. Rõ ràng, làm như vậy chỉ có mình Luận hưởng lợi và điều này có thể tạo ra những tư tưởng phản kháng trong nhân viên, những người đã góp phần tạo ra khoản lợi nhuận đó.

Trong cả hai phương án trên, Luận đã lấy tiền ra khỏi hoạt động của xưởng cơ khí. Nếu năm tới kinh doanh không thành công thì xưởng cơ khí của Luận sẽ gặp khó khăn về tài chính.

Phương án mua máy móc, mở rộng sản xuất để tạo thêm lợi nhuận là rất hấp dẫn. Điều này làm cho nhân viên thêm tin tưởng vào sự ổn định và cam kết hoạt động lâu dài của xưởng. Nếu kế hoạch thành công, xưởng sẽ có thêm lợi nhuận để chia. Nhưng phương án này cũng đồng nghĩa với việc trì hoãn phần thưởng của nhân viên lẫn Luận sang tương lai, trong khi cả hai có thể muốn được hưởng thành quả lao động của bản thân lúc này.

Phương án sau cùng, gửi tiền vào ngân hàng có thể rất hữu dụng nếu trong tương lai có khó khăn về tài chính. Xưởng cơ khí vẫn còn khả năng thanh toán nợ ngay cả khi nguồn thu không có đều đặn hàng ngày. Tuy nhiên, nếu đưa khoản tiền này vào kinh doanh thì



Luận sẽ dễ dàng có thêm một khoản lợi nhuận lớn hơn lãi tiền gửi ngân hàng.

A

Bất kỳ kế hoạch nào của doanh nghiệp đều có điểm mạnh và điểm yếu. Kế toán sẽ giúp cho bạn biết những tác động về mặt tài chính của những kế hoạch đó. Tuy nhiên, bạn cần lưu ý rằng ngoài các vấn đề đơn thuần về tài chính, bạn còn có rất nhiều thứ khác phải suy nghĩ đấy.

Hãy tự đánh giá 1

10 phút ⌚



- 1 Bạn hãy cho biết **ba** quyết định cơ bản của doanh nghiệp.

.....

.....

.....

- 2 Bạn hãy cho biết **năm** lợi ích của việc ghi chép kế toán.

.....

.....

.....

.....

.....

3

- a Cho biết cách tính lợi nhuận của một doanh nghiệp.

.....

.....

.....

- b Cho biết **hai** quyết định doanh nghiệp đưa ra để phân phối lợi nhuận.

.....

.....

Bạn có thể tham khảo các câu trả lời ở phần **Đáp án bài tập tự đánh giá** ở cuối cuốn sách.



4 Tóm tắt



A

- Các quyết định cơ bản của doanh nghiệp là:
 - quyết định tài trợ tài chính;
 - quyết định đầu tư;
 - quyết định hoạt động.
- Các doanh nghiệp duy trì các ghi chép kế toán để biết được:
 - doanh nghiệp **sở hữu** cái gì;
 - doanh nghiệp **mắc nợ** bao nhiêu;
 - doanh nghiệp **cho nợ** bao nhiêu;
 - có dữ liệu để kiểm tra các hoạt động kinh doanh;
 - có dữ liệu để lập kế hoạch cho tương lai.
- Các ghi chép kế toán cho phép một tổ chức theo dõi các công việc hàng ngày của mình, từ đó đảm bảo chi tiêu ít hơn thu nhập. Nếu không có sự theo dõi và kiểm soát như vậy, tổ chức đó cũng sẽ không thể lập kế hoạch và tồn tại lâu dài.

5 Suy ngẫm



Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem bạn sẽ áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào? Hãy viết ra những suy nghĩ của bạn:

A



A! Tôi đã học được ...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....



A! Tôi đã học được ...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....

Phần B

Tổng quan về các báo cáo tài chính

- *Dẫn nhập*
- *Tổng quan về các báo cáo tài chính*
- *Bảng cân đối kế toán*
- *Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- *Thuyết minh báo cáo tài chính*
- *Tóm tắt*
- *Suy ngẫm*

1 Dẫn nhập

Bạn có từng bao giờ tự hỏi là doanh nghiệp của bạn đã thật sự kiếm được bao nhiêu lãi không? Mặc dù điều này nghe rất phi lý, nhưng sự thật là nhiều chủ doanh nghiệp không biết chính xác mình đã lời bao nhiêu trong năm qua. Họ biết rất rõ là mình có bao nhiêu tiền trong túi, bao nhiêu hàng trong kho nhưng họ hoàn toàn mù mờ về con số lợi nhuận chính xác mà doanh nghiệp đạt được.

Các báo cáo tài chính cuối năm sẽ mô tả tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Thông tin trong các bảng báo cáo này rất hữu ích đối với các cổ đông, nhà đầu tư, chủ nợ, nhân viên, v.v...

Nhiều người nghĩ rằng các báo cáo tài chính rất khó hiểu. Nhưng nếu doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tiền bạc hay đứng trước nguy cơ mất trắng cả tỷ đồng vì có quá nhiều khoản nợ khó đòi thì họ sẽ quan tâm hơn tới các số liệu trên báo cáo tài chính phải không?

Dù các báo cáo tài chính quan trọng như vậy, nhưng rất nhiều nhà quản lý hay chủ doanh nghiệp cảm thấy họ không đủ thời gian để xem xét mọi chi tiết của từng bảng báo cáo. Họ cảm thấy bị ngợp giữa các số liệu và thông tin. Mặt khác, cũng có một số nhà quản lý không những muốn biết rõ từng chi tiết mà còn cần hiểu tại sao lại xuất hiện các con số như thế.

Hai kiểu nhà quản lý vừa kể trên cũng giống như hai kiểu người lái xe. Một kiểu người lái xe không quan tâm nhiều đến động cơ hoạt động ra sao. Họ chỉ cần biết là phải lên xe ngồi và lái đi. Một kiểu người lái xe khác thật sự muốn hiểu tường tận những gì đang xảy ra với động cơ xe mình vì như vậy anh ta mới lái xe một cách tự tin. Dầu sao thì cả hai loại người trên vẫn có khả năng lái xe.

B

Mặc dù người thứ nhất không cần biết nhiều về máy móc, anh ta vẫn phải hiểu được ý nghĩa của các kim và chữ số trên bảng báo của xe. Ví dụ, anh ta phải hiểu và biết phải làm gì khi kim xăng chỉ sang vạch màu đỏ.

B

Phần này cần thiết để giúp cả hai kiểu nhà quản lý đọc và hiểu các con số trên báo cáo tài chính. Bạn cũng sẽ được giới thiệu một vài thủ thuật khi xem xét các báo cáo tài chính.

Nếu bạn là kiểu nhà quản lý muốn biết tường tận mọi việc, bạn sẽ thấy phần này và phần kế tiếp rất hữu ích (Phần C sẽ giới thiệu chi tiết hơn về hoạt động của các bảng báo cáo tài chính).

2 Tổng quan về các báo cáo tài chính

Để có thể đánh giá được một doanh nghiệp, thông thường bạn sẽ cần đến những thông tin tối thiểu sau:

- tình hình tài chính của doanh nghiệp (doanh nghiệp có những gì, cho ai nợ và nợ những ai...);
- kết quả hoạt động trong quá khứ của doanh nghiệp;
- doanh nghiệp đã phân bổ nguồn lực như thế nào.

Trong quá trình phân tích/đánh giá doanh nghiệp, bạn sẽ cần rất nhiều các thông tin chính thức cũng như không chính thức. Một trong các thông tin chính thức và rất có giá trị cho bạn là các bảng báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Nhìn chung các báo cáo tài chính này giống nhau cho các doanh nghiệp tại các quốc gia khác nhau và bao gồm ít nhất ba bảng báo cáo khác nhau. **Bảng cân đối kế toán** cho biết tình hình tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm nào đó. **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh lãi (hay lỗ) bao nhiêu của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** sẽ giúp bạn biết trong thời kỳ vừa qua, doanh nghiệp đã phân bổ nguồn lực của mình (dưới dạng tiền mặt) cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài trợ tài chính như thế nào.

Ngoài các bảng báo cáo trên, Bộ Tài chính Việt Nam còn quy định các doanh nghiệp phải đính kèm **Thuyết minh báo cáo tài chính** để giải thích các điểm quan trọng, cần lưu ý trong ba bảng báo cáo trên.

Thực hành 8

5 phút 



Tại sao doanh nghiệp cần phải lập báo cáo tài chính? Hãy liệt kê ba lý do.

B

Bạn có thể nghĩ ra được một số lợi ích của các bảng báo cáo tài chính như:

- Cung cấp những thông tin quan trọng để đánh giá hoạt động và tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Giúp doanh nghiệp chuẩn bị các báo cáo đáp ứng yêu cầu từ cơ quan thuế, và các cơ quan hành chính sự nghiệp khác.
- Giúp doanh nghiệp tránh được các tranh cãi với khách hàng hoặc nhà cung cấp.
- Giúp doanh nghiệp biết được tình hình “sức khỏe” tài chính của mình.
- Giúp đánh giá được hiệu quả công việc của các nhà quản lý.

Dĩ nhiên, các lợi ích nêu trên chỉ là những lợi ích chủ yếu. Các bảng báo cáo tài chính còn giúp cho doanh nghiệp trong nhiều trường hợp khác nữa. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết từng bảng báo cáo.

3 Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán (còn gọi là bảng tổng kết tài sản/cân đối tài sản) là một ‘tấm ảnh chụp nhanh’ tình hình tài chính của một tổ chức tại một thời điểm nhất định, ví dụ ngày 31 tháng 12 năm 200X. Đây là một báo cáo tài chính cho biết vốn của tổ chức hình thành từ đâu và được sử dụng như thế nào.

Bạn sẽ lưu ý rằng bảng báo cáo tài chính có 2 bên:

Bảng cân đối kế toán

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động	Nợ ngắn hạn
Cộng	Cộng
Tài sản cố định	Nợ dài hạn
Cộng	Cộng
Tài sản khác	Vốn chủ sở hữu
Bằng	Bằng
Tổng tài sản	Tổng nguồn vốn

Bên trái mô tả các tài sản hiện thời của doanh nghiệp, còn được gọi là phần Tài Sản.

Tài sản là những nguồn lực mà doanh nghiệp đang sử dụng để hoạt động.

Bạn sẽ đặt câu hỏi tiếp là như vậy thì tiền đâu mà doanh nghiệp mua các tài sản này? Thông tin này bạn sẽ được biết ở phần bên phải của bảng báo cáo. Phần này sẽ mô tả nguồn vốn doanh nghiệp dùng để mua tài sản, còn được gọi là phần nguồn vốn. Nguồn vốn của doanh nghiệp bao gồm:

Nợ phải trả (còn gọi là **Vốn vay**) là nguồn vốn mà chủ của nó KHÔNG phải là chủ doanh nghiệp. Vốn vay bao gồm các khoản nợ ngắn hạn (có thời gian đáo hạn dưới một năm) và nợ dài hạn (thời gian đáo hạn trên một năm).

Vốn chủ sở hữu là nguồn vốn mà chủ của nó cũng CHÍNH LÀ chủ doanh nghiệp. Nguồn vốn này bao gồm vốn bỏ ra thời kỳ đầu của chủ doanh nghiệp và lợi nhuận giữ lại.

Như tên gọi “Cân đối” của bảng báo cáo, tổng giá trị tài sản doanh nghiệp PHẢI BẰNG tổng giá trị nguồn vốn. Hay nói cách khác:

TỔNG TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đây là phương trình cơ bản nhất của kế toán. Các khoản mục được thể hiện trên bảng cân đối kế toán như sau:

Doanh nghiệp Tư nhân Tinh Hoa

Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
A. Tài sản lưu động (TSLĐ)		A. Nợ phải trả (NPT)	
Tiền	200	Nợ ngắn hạn	50
Các khoản phải thu	400	Nợ dài hạn	120
Hàng tồn kho	300	Nợ khác	30
TSLĐ khác	100		200
	1.000		
B. Tài sản cố định (TSCĐ)		B. Nguồn vốn chủ sở hữu (NV CSH)	
TSCĐ hữu hình	1.600	Vốn kinh doanh	3.000
TSCĐ vô hình	320	Lợi nhuận chưa phân phối	120
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	400		
	2.320		3.120
TỔNG TÀI SẢN	3.320	TỔNG NGUỒN VỐN	3.320

B

Ngoài ra bạn cũng có thể thấy bảng cân đối kế toán được trình bày dưới dạng bảng dọc. (Xem phần **Phụ lục** ở cuối cuốn sách.)

Thực hành 9

5 phút 



Hãy xem các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bạn và so sánh Bảng cân đối kế toán của bạn với Bảng cân đối kế toán của Tinh Hoa. Cách trình bày các khoản mục tài sản của doanh nghiệp bạn có khác với Tinh Hoa không?

.....

.....

Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp bạn có thể sẽ có nhiều khoản mục và chi tiết hơn Bảng cân đối kế toán của Tỉnh Hoa. Tuy nhiên, bạn sẽ phải đồng ý rằng, các tài sản của doanh nghiệp bạn cũng được chia thành hai nhóm: (1) tài sản lưu động; (2) tài sản cố định và đầu tư dài hạn.

B

Tài sản lưu động là các tài sản có thời gian luân chuyển/sử dụng ngắn và có thể mau chóng chuyển thành tiền (thường là dưới 1 năm). Các tài sản lưu động thường xuất hiện trên Bảng cân đối kế toán là:

- tiền mặt và tiền gửi ngân hàng;
- các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (< 1 năm);
- các khoản phải thu khách hàng;
- các khoản tạm ứng;
- các khoản chi phí trả trước;
- hàng tồn kho;
- các khoản phải thu khác.

Trái lại, **tài sản cố định** có thời gian luân chuyển và sử dụng dài hơn một năm. Các tài sản cố định xuất hiện trên Bảng cân đối kế toán thường được trình bày như sau:

- tài sản cố định hữu hình như:
 - nhà xưởng và vật kiến trúc;
 - máy móc và trang thiết bị;
 - xe cộ, phương tiện vận chuyển...
- tài sản cố định vô hình như:
 - quyền sử dụng đất;
 - phần mềm máy tính đã mua;
 - bản quyền sử dụng công nghệ...
- các khoản đầu tư tài chính dài hạn (> 1 năm)
- chi phí xây dựng cơ bản dở dang
- các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

Điều kiện nào để được ghi nhận là tài sản? Phải chăng tất cả những gì thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và mang lại lợi ích cho

doanh nghiệp đều sẽ được ghi nhận là tài sản? Không hoàn toàn như vậy. Thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, phần mềm tự viết... đều thỏa mãn hai điều kiện trên nhưng sẽ không được ghi nhận là tài sản. Thương hiệu, nhãn hiệu, phần mềm... chỉ được ghi nhận là tài sản vô hình khi doanh nghiệp **bỏ tiền ra mua và sở hữu**. Bạn có thể tham khảo chi tiết hơn về tài sản cố định vô hình trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Chúng ta sẽ quay trở lại tìm hiểu kỹ hơn ý nghĩa, vai trò của từng khoản mục được nhóm trong tài sản lưu động và tài sản cố định ở phần C của cuốn sách.

Bây giờ hãy cùng khám phá bảng cân đối kế toán của bạn để xem có gì bên phần nguồn vốn qua Thực hành dưới đây.

Thực hành 10

5 phút 



Hãy so sánh phần Tổng nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp bạn với Bảng cân đối kế toán của Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa.

- 1 Liệt kê các nguồn vốn hiện có của doanh nghiệp.

.....

.....

- 2 Đặc điểm chung ở phần trình bày nguồn vốn của doanh nghiệp bạn và Tinh Hoa là gì?

.....

.....

Nguồn vốn dùng để tài trợ cho phần tài sản của doanh nghiệp. Để có nguồn lực này, doanh nghiệp bạn có thể huy động từ chủ đầu tư, cổ đông, ngân hàng... hoặc chiếm dụng vốn từ nhà cung cấp, cơ quan thuế...

Bạn có thể liệt kê nhiều đặc điểm chung nhưng điểm chính nhất phải đề cập là phần Tổng nguồn vốn trên báo cáo của cả hai doanh nghiệp đều được nhóm thành **vốn vay** và **vốn chủ sở hữu**.

B

Cách trình bày này dựa trên việc xem xét mối quan hệ giữa chủ sở hữu nguồn vốn và chủ sở hữu doanh nghiệp.

Nợ phải trả (Vốn vay) là nguồn vốn mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải hoàn trả cho chủ của nó sau một khoảng thời gian nào đó. Bạn nên lưu ý rằng các chủ nợ có những mức độ ưu tiên trả nợ khác nhau.

Vốn chủ sở hữu là tất cả những tài sản còn lại của doanh nghiệp sau khi đã trả hết nợ.

Đến đây, bạn đã hiểu một cách khái quát về ý nghĩa và trình bày của Bảng cân đối kế toán. Bảng cân đối kế toán gồm có hai phần. Bên trái là phần Nợ, tức phần báo cáo về tài sản của doanh nghiệp. Bên phải là phần Có, tức nguồn vốn của doanh nghiệp. Chi tiết hơn về tài sản và nguồn vốn sẽ được trình bày trong phần C.

Bây giờ chúng ta sẽ cùng tìm hiểu khái quát về dạng và cấu trúc của báo cáo thứ hai trong hệ thống báo cáo tài chính, đó là **Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**.

4 Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo này cho biết doanh nghiệp sẽ thu được tổng cộng bao nhiêu (doanh thu) trên những gì đã quyết định chi ra (**tổng chi phí hoạt động**). Cấu trúc cơ bản của một báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	
	Doanh thu
Trừ	Giá vốn hàng bán
Bằng	Lợi nhuận gộp
Trừ	Chi phí hoạt động
Bằng	LN thuần trước thuế
Trừ	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Bằng	LN thuần sau thuế

Tương tự như Bảng cân đối kế toán, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng được trình bày dựa trên một phương trình căn bản - Phương trình tính kết quả hoạt động kinh doanh – như sau:

$$\text{LỢI NHUẬN} = \text{DOANH THU} - \text{CHI PHÍ}$$

Thực hành 11

5 phút ⌚



Theo bạn, sự khác nhau cơ bản nhất giữa bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán là gì?

.....
.....

Hy vọng bạn đã đưa ra câu trả lời đúng.

Sự khác nhau cơ bản giữa Bảng cân đối kế toán với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là ở thời gian thể hiện. Bảng cân đối kế toán trình bày giá trị của tài sản và nguồn vốn tại một **thời điểm** (thường là ngày cuối năm), cho biết vào một ngày cụ thể, tài sản và nguồn hình thành tài sản đó thể hiện giá trị là bao nhiêu. Trái lại, báo cáo kết quả kinh doanh cho biết kết quả của những gì đã xảy ra trong một **thời đoạn** (thường là một năm).

Các doanh nghiệp tại Việt Nam thường chọn năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Nhưng điều này không bắt buộc. Theo quy định, bạn có thể chọn thời điểm kết thúc niên độ sao cho phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đơn giản được thể hiện như sau:

Doanh nghiệp Tư nhân Tinh Hoa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

B

Doanh thu thuần		3.000
Giá vốn hàng bán		(1.800)
Lợi nhuận gộp		1.200
Chi phí bán hàng	(300)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(200)	(500)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		700
Thu nhập hoạt động tài chính	15	
Chi phí hoạt động tài chính	(40)	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính		(25)
Thu nhập khác	5	
Chi phí khác	(20)	
Lợi nhuận khác		(15)
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế		660
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (32%)		(211)
Tổng lợi nhuận thuần sau thuế		449

Nếu được xem qua báo cáo tài chính của nhiều loại hình tổ chức bao gồm hành chính sự nghiệp, thương mại, dịch vụ, sản xuất... chắc chắn vốn từ chuyên môn kế toán tài chính của bạn sẽ phong phú hơn rất nhiều. Bạn có thể dễ dàng tìm thấy báo cáo tài chính (được cập nhật thường xuyên) của các công ty có cổ phiếu niêm yết tại các công ty môi giới chứng khoán và trên các trang web để tham khảo thêm.

Chúng ta hãy quay trở lại bảng báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bạn và tiếp tục so sánh với bảng báo cáo của Tinh Hoa.

Thực hành 12

3 phút 



Hãy liệt kê ít nhất tên **một** khoản mục giống nhau và **một** khoản mục khác nhau trên Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bạn và của Tinh Hoa.

B

Về cấu trúc thì cả hai bảng báo cáo rất giống nhau. Tuy nhiên, bạn cũng có thể gặp một số khác biệt đôi chút về từ ngữ, ví dụ doanh số thay doanh thu, lãi ròng thay lợi nhuận thuần... Ngoài ra, theo yêu cầu của cơ quan thuế, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bạn có thể sẽ trình bày chi tiết tổng doanh thu, doanh thu hàng xuất khẩu, các khoản giảm trừ doanh thu như hàng bán bị trả lại, chiết khấu...

Hy vọng rằng bạn không gặp khó khăn với các từ: “doanh thu” và “chi phí”. Trong phần kế tiếp của cuốn sách chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn cách tính một vài khoản chi phí lớn, như giá vốn hàng bán và khấu hao.

Bây giờ, hãy tiếp tục với bảng thứ ba trong bộ báo cáo tài chính.

5 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo kết quả kinh doanh đã giúp bạn khái quát kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán trình bày tài sản và nguồn hình thành tài sản. Tuy nhiên, cả hai báo cáo này đều không cho thấy tiền đã được chi dùng như thế nào. Bạn cần một dạng báo cáo khác để tổng kết tiền của doanh nghiệp phát sinh từ đâu và được sử dụng trong kỳ vừa qua như thế nào. Đó chính là vai trò của **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**. Cấu trúc cơ bản của một báo cáo lưu chuyển tiền tệ có dạng như sau:

B

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động
sản xuất kinh doanh

+

Dòng tiền từ hoạt động
đầu tư

+

Dòng tiền từ hoạt động
tài chính

=

Thay đổi dòng tiền trong kỳ

+

Tiền mặt đầu kỳ

=

Tiền mặt cuối kỳ

Bạn có thấy quen thuộc với ba cụm từ “hoạt động sản xuất kinh doanh”, “hoạt động đầu tư” và “hoạt động tài chính” không? Đây cũng chính là ba nhóm mô tả hệ thống quyết định tài chính mà bạn đã làm quen ở phần A.

Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản tiền phát sinh do các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp bạn. Đây là dòng tiền quan trọng nhất của doanh nghiệp.

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản tiền chi/thu do liên quan đến việc mua bán các tài sản cố định trong công ty.

Dòng tiền từ hoạt động tài chính bao gồm các khoản tiền liên quan đến nguồn vốn vay dài hạn hay vốn chủ sở hữu của công ty.

Thực hành 13

5 phút 



Hãy nghiên cứu báo cáo tài chính của doanh nghiệp bạn và liệt kê **ba** thành phần cấu thành nên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Bạn sẽ thấy rằng, dù chi tiết của các báo cáo có khác nhau, nhưng các phần chính của báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa các doanh nghiệp vẫn hoàn toàn giống nhau:

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Việc lập bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ rất đơn giản. Bạn có thể dùng phương pháp trực tiếp (tức là liệt kê các khoản thực chi và thực thu bằng tiền mặt) hoặc bằng phương pháp gián tiếp (được suy ra từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán). Nếu làm chính xác, cả hai phương pháp này đều cho bạn cùng một kết quả.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đơn giản của công ty Tinh Hoa như sau:

Doanh nghiệp Tư nhân Tinh Hoa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: triệu đồng

B

Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	660	
Cộng: Khấu hao	50	
Trừ: Gia tăng tồn kho	(23)	
Trừ: Thuế đã nộp	(211)	
Thay đổi dòng tiền tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh		476
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư		
Mua máy mới	(508)	
Thay đổi dòng tiền tệ từ hoạt động đầu tư		(508)
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính		
Vay nợ dài hạn	100	
Trả cổ tức	(78)	
Thay đổi dòng tiền tệ từ hoạt động tài chính		22
Thay đổi tiền mặt trong kỳ		(10)
Tiền mặt đầu kỳ		210
Tiền mặt cuối kỳ		200

Thực hành 14

5 phút ⌚



Hãy xem báo cáo tài chính của doanh nghiệp bạn. Có **một** số liệu liên quan đến khoản mục tiền xuất hiện đồng thời ở Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bạn có nhận thấy không?

.....

.....

Bạn có thể tìm thấy hoặc suy luận để tìm điểm chung đó giữa hai bảng báo cáo. Đó là **số dư tiền mặt cuối kỳ** – xuất hiện ở dòng cuối cùng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và dòng đầu tiên trên Bảng cân đối kế toán.

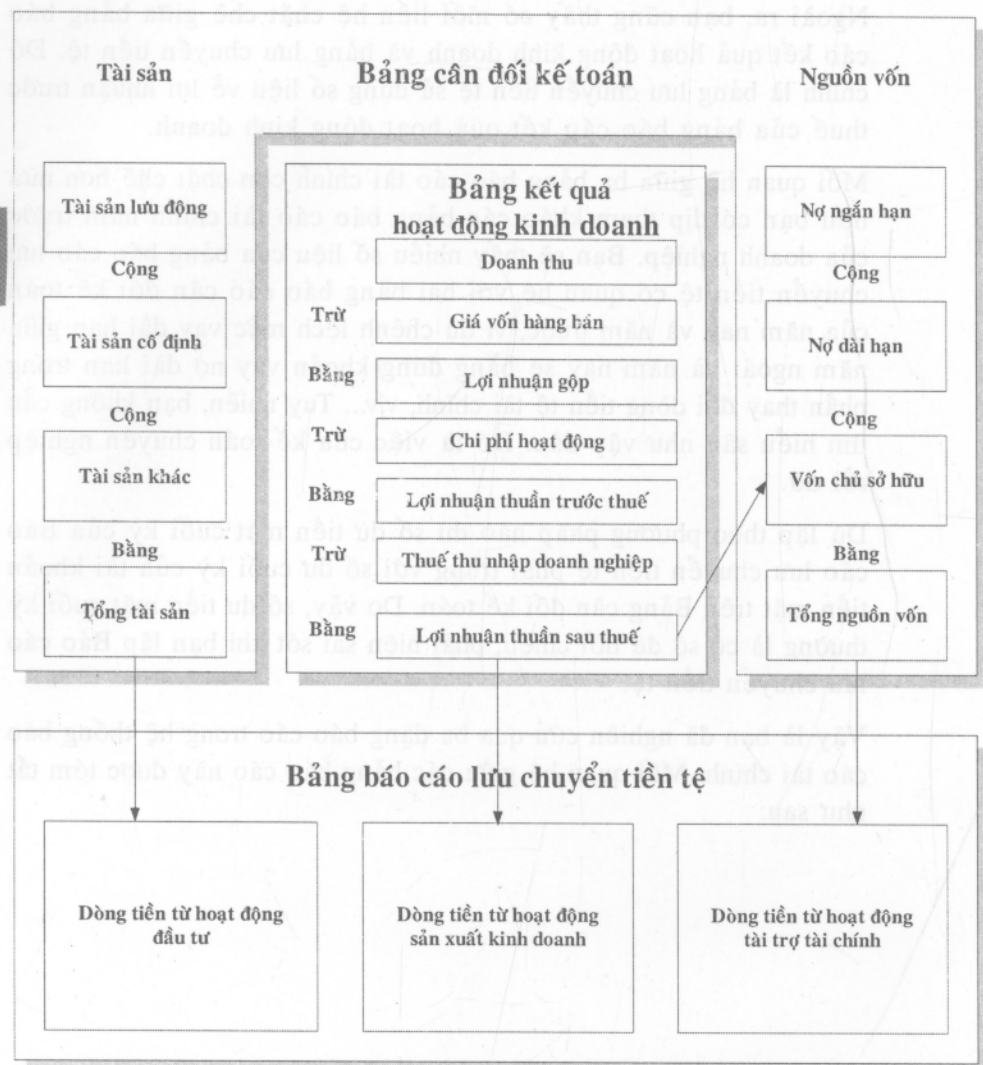
Ngoài ra, bạn cũng thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng lưu chuyển tiền tệ. Đó chính là bảng lưu chuyển tiền tệ sử dụng số liệu về lợi nhuận trước thuế của bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mối quan hệ giữa ba bảng báo cáo tài chính còn chặt chẽ hơn nữa nếu bạn có dịp tham khảo các bảng báo cáo tài chính năm trước của doanh nghiệp. Bạn sẽ thấy nhiều số liệu của bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ có quan hệ với hai bảng báo cáo cân đối kế toán của năm nay và năm trước, ví dụ chênh lệch mức vay dài hạn giữa năm ngoái và năm nay sẽ bằng đúng khoản vay nợ dài hạn trong phần thay đổi dòng tiền tệ tài chính, v.v... Tuy nhiên, bạn không cần tìm hiểu sâu như vậy đâu. Đó là việc của kế toán chuyên nghiệp rồi đó.

Dù lập theo phương pháp nào thì số dư tiền mặt cuối kỳ của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải trùng với số dư cuối kỳ của tài khoản tiền mặt trên Bảng cân đối kế toán. Do vậy, số dư tiền mặt cuối kỳ thường là cơ sở để đối chiếu, phát hiện sai sót khi bạn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Vậy là bạn đã nghiên cứu qua ba dạng báo cáo trong hệ thống báo cáo tài chính. Mối quan hệ giữa các bảng báo cáo này được tóm tắt như sau:

B



- 1 Dòng tiền từ hoạt động đầu tư chính bằng tổng của tiền mua tài sản cố định hoặc tiền bỏ vào các khoản đầu tư tài chính ngắn/dài hạn ở phần Tài sản của Bảng cân đối kế toán.
- 2 Dòng tiền từ hoạt động tài chính bao gồm tiền thu do đi vay, do các chủ sở hữu góp vốn... của phần Nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán. Ngoài ra, trả lãi tiền vay hoặc thu lãi tiền gửi ngân hàng xuất hiện trên khoản mục Chi phí/Thu nhập hoạt động tài chính của Báo cáo kết quả kinh doanh cũng thuộc dòng tiền này.

3 Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (theo phương pháp gián tiếp) được suy từ **Lợi nhuận trước thuế** trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi điều chỉnh cho sự thay đổi của **Khoản phải thu, Hàng tồn kho và Khoản phải trả** của Bảng cân đối kế toán.

Đừng bối rối nếu bạn cảm thấy rằng các mối quan hệ này thật rắc rối, khó hình dung. Đây là công việc của phòng kế toán. Là nhà chuyên môn, họ biết phải làm thế nào để tạo ra cho bạn một báo cáo tài chính hoàn chỉnh. Là nhà quản lý, bạn chỉ cần hiểu có mối liên hệ qua lại giữa các khoản mục trên báo cáo tài chính và các mối liên hệ này giúp bạn bước đầu đánh giá tính chính xác của báo cáo tài chính được cấp dưới trình lên.

Hãy làm Thực hành tiếp theo để chắc rằng bạn đã thông suốt những điểm then chốt.

Thực hành 15

5 phút 



Loan - Kế toán trưởng của Tinh Hoa vừa trình lên Minh - Giám đốc báo cáo tài chính mà cô vừa lập xong. Nếu là Minh, bạn có ký duyệt không nếu phát hiện ra chỉ một trong ba điều sau đây:

- 1 Tổng tài sản **lớn hơn** Tổng nguồn vốn 200.000 đồng.
- 2 Tiền mặt cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán **nhỏ hơn** Tiền mặt cuối kỳ trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 50.000 đồng.
- 3 Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh **chênh lệch không đáng kể so với** Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1.

2.

3.

Bạn hoàn toàn đúng nếu cho rằng Minh từ chối ký báo cáo và yêu cầu Loạn xem lại toàn bộ báo cáo này. Không được có một chênh lệch nào, dù rất nhỏ trong những điều vừa nêu. Ba điểm lưu ý này là cơ sở đối chiếu ban đầu giúp bạn phát hiện sai sót trong báo cáo tài chính được cấp dưới đưa lên.



Đừng quên ba điểm lưu ý sau khi bạn xem xét bất kỳ một báo cáo tài chính nào:

- Trên bảng cân đối kế toán, tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn.
- Số dư tiền mặt cuối kỳ trên bảng cân đối kế toán đúng bằng dòng cuối cùng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Lợi nhuận trước thuế trên Bảng cân đối kế toán hoàn toàn khớp với Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6 Thuyết minh báo cáo tài chính

Hệ thống các báo cáo tài chính của Việt Nam ngoài ba bảng báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ còn yêu cầu thêm **Thuyết minh báo cáo tài chính**. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Thuyết minh báo cáo tài chính nhằm mục đích giúp người đọc hiểu chính xác hơn các thông tin tài chính được trình bày trong ba bảng báo cáo nêu trên. Ngoài ra, Thuyết minh còn thể hiện một số chỉ tiêu phân tích tài chính để giúp người đọc hiểu rõ hơn tình hình doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

Một trong những nội dung quan trọng giúp người đọc đánh giá được giá trị của thông tin cung cấp trong ba bảng báo cáo trên là phần nêu lên chính sách kế toán đang áp dụng tại doanh nghiệp. Lý thuyết kế toán cho phép các doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính toán và ghi chép khác nhau đối với một số giao dịch kế toán nhất định. Các phương pháp tính toán khác nhau sẽ cho bạn những kết quả khác nhau. Vì vậy, nếu bạn hiểu được các số liệu trong các bảng báo cáo kế toán nêu trên được thực hiện theo phương pháp nào thì bạn sẽ dễ hình dung tình hình thực tế của công ty hơn.

Thực hành 16

5 phút



Bạn hãy thử xem qua bảng thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp bạn, hoặc của một doanh nghiệp nào đó. Bạn hãy xem phần chính sách kế toán và nhờ một người bạn trong phòng kế toán giải thích cho bạn có bao nhiêu phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ.

Về nguyên tắc, có 4 phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

- phương pháp nhập trước, xuất trước (First In First Out - FIFO);
- phương pháp nhập sau, xuất trước (Last In First Out - LIFO);
- phương pháp bình quân gia quyền (tính trung bình);
- phương pháp thực tế đích danh (chủ thể xác định).

Bạn cũng sẽ được người bạn chuyên môn giải thích ảnh hưởng của các phương pháp định giá tồn kho khác nhau đến giá trị lợi nhuận trong kỳ báo cáo như thế nào. Bạn sẽ thấy các con số kế toán sẽ không khô khan như mình tưởng. Đó thực sự là những con số biết nói.

Còn rất nhiều những chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không trình bày thêm vì các phương pháp tính toán chỉ phù hợp cho những người làm chuyên môn kế toán và nằm ngoài mục tiêu của cuốn sách này.

Ngoài phần chính sách kế toán, phần lớn nội dung của bảng thuyết minh báo cáo tài chính còn bao gồm việc phân tích chi tiết một vài tỷ số tài chính, sự thay đổi về tài sản và nguồn vốn trong năm của công ty để giúp bạn phân tích đánh giá thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong phần D, bạn sẽ được giới thiệu chi tiết hơn các tỷ số tài chính này.



*Đối với các nước theo Hệ thống Kế toán Quốc tế (IAS), cách trình bày bảng cân đối kế toán tuân theo những Nguyên tắc Kế toán được thừa nhận rộng rãi (GAAP), số hiệu tài khoản và tên các khoản mục không nhất thiết phải hoàn toàn giống nhau giữa các doanh nghiệp. Tuy nhiên, bảng cân đối kế toán thực tế của các doanh nghiệp ở Việt Nam lại được chuẩn hóa theo mẫu quy định chung của Bộ Tài chính. Bạn có thể tham khảo mẫu trong phần **Phụ lục** ở cuối cuốn sách.*

Hãy tự đánh giá 2

20 phút 

B

- 1 Bạn hãy nêu **ba** lợi ích chính của các bảng báo cáo tài chính.

.....

.....

.....

- 2 Phương trình kế toán cơ bản là gì?

.....

.....

- 3 Bảng cân đối kế toán gồm **hai** phần chính nào?

.....

.....

- 4 Dòng tiền được tạo ra từ **ba** dạng hoạt động nào?

.....

.....

.....

- 5 Khoản mục nào xuất hiện đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán?

.....

- 6 Khoản mục nào liên kết bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, giúp doanh nghiệp phát hiện sai sót khi lập hai báo cáo này?

.....

.....

Bạn có thể tham khảo các câu trả lời ở phần *Đáp án bài tập tự đánh giá* ở cuối cuốn sách.

7 Tóm tắt



- Các báo cáo tài chính sẽ giúp bạn đánh giá được:
 - Tình hình tài chính của doanh nghiệp;
 - Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo;
 - Doanh nghiệp phân bổ nguồn lực của mình cho các hoạt động ra sao.
- Các báo cáo tài chính bao gồm: **bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.**
- **Bảng cân đối kế toán** mô tả, tại một thời điểm cụ thể xác định, tất cả các tài sản và trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp. Nó cho biết những tài sản doanh nghiệp đang sở hữu / sử dụng và nguồn tài chính tạo ra những tài sản đó.
- **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** cho biết lợi nhuận của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian xác định. Từ báo cáo này, có thể biết doanh nghiệp có những khoản doanh thu và chi phí nào.
- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** cho biết trong thời kỳ vừa qua, doanh nghiệp đã dùng nguồn lực của mình cho các hoạt động kinh doanh thông thường, hoạt động đầu tư và hoạt tài trợ tài chính như thế nào.
- **Thuyết minh báo cáo tài chính** cho biết sự thay đổi của tài sản và nguồn vốn trong năm. Ngoài ra, bảng thuyết minh này cũng đánh giá sơ bộ tình hình tài chính và hoạt động trong năm của doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính.

B

8 Suy ngẫm



Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem bạn sẽ áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào? Hãy viết ra những suy nghĩ của bạn:

B



A! Tôi đã học được...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....



A! Tôi đã học được ...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....

Phần C

Các yếu tố của báo cáo kế toán

- *Dẫn nhập*
- *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- *Bảng cân đối kế toán*
- *Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng dự báo tiền mặt*
- *Tóm tắt*
- *Suy ngẫm*

1 Dẫn nhập

Bạn dành bao nhiêu trong tổng số tiền tiết kiệm của mình để đầu tư vào những công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán? Bạn có chắc mình đã hoàn toàn hiểu rõ những thông tin được các công ty này công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng?

Bạn biết những gì về hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp mình? Tình hình tài chính của khách hàng đang nợ bạn có khả quan không, họ có khả năng thanh toán số nợ tồn đọng cho bạn không?

Chắc rằng bạn đang tự hỏi bao nhiêu người thật sự hiểu ý nghĩa hàm chứa trong những số liệu tài chính khô khan và khó hiểu. Sự sụp đổ của tập đoàn Enron kéo theo hàng loạt khó khăn về tài chính cho các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan là câu trả lời khá rõ cho câu hỏi trên. Lẽ ra họ đã không mắc phải sai lầm nếu lưu ý cẩn thận hơn vào nội dung của các báo cáo tài chính được công bố. Họ cảm thấy các số liệu quá nhàm chán và phức tạp nên đã phó mặc và không tìm hiểu kỹ... cuối cùng là mất toàn bộ tài sản.

Các báo cáo tài chính cuối năm mô tả khuynh hướng hoạt động chung, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thông tin từ những báo cáo này rất cần thiết đối với các cổ đông, nhà đầu tư, chủ nợ, người lao động và nhiều người khác. Do tầm quan trọng của số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính, kỹ năng đọc hiểu những báo cáo đó là vô cùng cần thiết.

Trong phần này chúng ta sẽ xem xét một số thuật ngữ cơ bản của kế toán cũng như cách thức hạch toán kinh doanh và thiết lập các báo cáo tổng kết hoạt động của doanh nghiệp vào cuối năm.

C

2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bạn đã biết qua dạng và cấu trúc của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ở phần B. Chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn các khoản mục được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới đây.

2.1 Giá vốn hàng bán

Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua hàng về tích trữ rồi bán lại với giá (hy vọng là) cao hơn giá mua. Để biết chính xác số hàng trong kho vào thời điểm cuối năm, doanh nghiệp phải kiểm kê kho. Kết thúc kiểm kê doanh nghiệp sẽ có **số dư tồn kho cuối kỳ**. Số liệu này cũng chính là **số dư tồn kho đầu kỳ** của giai đoạn kế tiếp.

Phương pháp kiểm kê kho nói trên được gọi là **kiểm kê định kỳ**. Tuy nhiên, cũng có một số doanh nghiệp khác theo dõi kho liên tục dựa trên các số liệu ghi chép sổ sách như thẻ kho, phiếu nhập xuất tồn kho... và thường xuyên kiểm tra tồn kho nhiều lần trong năm. Đây là phương pháp **kê khai thường xuyên**.

Trong ví dụ của Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa, giá vốn hàng bán được tính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số dư tồn kho đầu kỳ	600
Cộng với mua hàng hóa	2.000
Trừ đi số dư tồn kho cuối kỳ	(800)
Giá vốn hàng bán	1.800

Thực hành 17

5 phút 



Sau đây là số liệu kinh doanh một năm của Cửa hàng thời trang Sành Diệu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	60.000
Số dư tồn kho đầu kỳ	7.000
Mua hàng hóa	25.000
Số dư tồn kho cuối kỳ	5.000
Lương nhân viên bán hàng	10.000
Chi phí tiện ích (điện, nước, điện thoại...)	5.000
Lãi vay ngân hàng	8.000

Tính giá vốn hàng bán của Cửa hàng thời trang Sành Điệu. Sau đó, hãy lập một báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và cho biết lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần trước thuế của Cửa hàng là bao nhiêu?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bạn có thể tham khảo câu trả lời ở phần *Đáp án một số bài tập thực hành* ở cuốn sách.

Các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chúng ta vừa xem qua là của doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Đối với doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán sẽ phức tạp hơn với nhiều loại chi phí phải tính đến, được nhóm thành chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Nếu áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, giá vốn hàng bán của Tỉnh Hoa sẽ được tính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số dư tồn kho đầu kỳ	600
Cộng với chi phí sản xuất trong kỳ	
+ Chi phí nhân công	500
+ Chi phí nguyên vật liệu	800
+ Chi phí sản xuất chung	700
Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	2.600
Trừ đi số dư tồn kho cuối kỳ	(800)
Giá vốn hàng bán	1.800

Nếu áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, doanh nghiệp sẽ dễ dàng biết được lượng sản xuất, lượng tiêu thụ và đơn giá của từng sản phẩm. Trong trường hợp này, giá vốn hàng bán được tính đơn giản như sau:

$$\text{Giá vốn hàng bán} = \text{Đơn giá sản xuất} \times \text{lượng tiêu thụ}$$

Thực hành 18

5 phút 



Theo bạn, chi phí sản xuất chung sẽ bao gồm những loại chi phí nào?

.....

.....

.....

Bạn có thể đã kể được nhiều chi phí, ví dụ tiền thuê kho, tiền điện nước, lương cho bộ phận quản đốc, lãi vay ngân hàng để tồn trữ nguyên vật liệu, v.v... Tuy nhiên sẽ là thiếu sót lớn nếu bạn chưa liệt kê một loại chi phí chính, thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất chung (có khi lên đến hơn 90%). Đó là **khấu hao**.

2.2 Khấu hao

Trong phần B, bạn đã biết máy móc thiết bị là tài sản cố định, có giá trị cao và được sử dụng hơn 1 năm. Do đó, sẽ rất vô lý nếu toàn bộ giá trị của máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất được tính là chi phí của năm hiện tại, nếu như bạn còn có thể sử dụng những tài sản này trong tương lai. Hợp lý hơn cả là bạn tính chi phí sử dụng tài sản bằng một tỷ lệ phần trăm tương xứng trên tổng giá trị các tài sản này. Phần chi phí này được gọi là chi phí khấu hao.

Chi phí khấu hao sẽ là một con số cụ thể do kế toán viên hay các giám đốc đánh giá, chỉ sự sụt giảm giá trị của một thiết bị nào đó do sử dụng. Các tài sản cố định sẽ được khấu hao do hao mòn hữu hình (hư hỏng và xuống cấp theo thời gian) hoặc hao mòn vô hình (cũ hay lỗi thời về công nghệ). Chẳng hạn như máy tính thường bị hao mòn vô hình khi những máy thế hệ sau ra đời với giá rẻ hơn và công suất cao hơn, nhiều tính năng hơn...

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thường thể hiện chi phí khấu hao hàng năm như một khoản mục riêng biệt.

Có nhiều cách tính tỷ lệ khấu hao và chi phí khấu hao. Chúng ta sẽ đề cập tới hai phương pháp thường sử dụng nhất: **khấu hao theo đường thẳng** và **khấu hao theo kết số giảm dần**.

■ Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

Trước tiên phải ước lượng tuổi thọ (tuổi thọ sử dụng hay tuổi thọ kinh tế) và giá trị thanh lý của tài sản cố định. Chi phí khấu hao hàng năm sẽ được tính dựa trên giá trị ban đầu (nguyên giá) của tài sản cố định trừ giá trị thanh lý rồi chia cho tuổi thọ ước tính.

$$\text{Chi phí khấu hao hàng năm} = \frac{\text{Giá trị ban đầu} - \text{Giá trị thanh lý}}{\text{Tuổi thọ ước tính}}$$

Hiện nay, Bộ Tài chính đã có ban hành quy định về thời gian khấu hao đối với từng loại tài sản cố định. Các doanh nghiệp phải dựa vào quy định này để tính toán mức khấu hao phù hợp cho từng loại tài sản cố định của doanh nghiệp.

Ví dụ một chiếc xe tải nhỏ được mua với giá 100 triệu đồng. Ước tính chiếc xe này sẽ sử dụng được trong 10 năm, sau 10 năm có thể

bán lại với giá 20 triệu đồng. Nếu sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, ta sẽ có chi phí khấu hao là:

$$\text{Chi phí khấu hao hàng năm} = \frac{100 \text{ triệu} - 20 \text{ triệu}}{10 \text{ năm}} = 8 \text{ triệu đồng}$$

Thực hành 19

3 phút 

C



Một thiết bị thí nghiệm được mua với giá 50 triệu đồng, ước tính dùng được trong 5 năm và vét bỏ hoàn toàn. Hãy tính mức khấu hao hàng năm.

$$\text{Chi phí khấu hao hàng năm} = \frac{50 \text{ triệu đồng} - 0}{5 \text{ năm}} = 10 \text{ triệu đồng}$$

■ Phương pháp khấu hao theo kết số giảm dần

Khi sử dụng phương pháp này, bạn phải ước lượng một tỷ lệ (%) khấu hao cho mỗi loại tài sản cố định. Tỷ lệ này sẽ được tính trên số dư còn lại của tài sản tại cuối năm trước.

Giả sử một xe hơi mua với giá 150 triệu đồng, được ước tính khấu hao 20% một năm. Sau năm thứ nhất, giá trị chiếc xe còn 120 triệu đồng. Sau năm thứ hai, còn 96 triệu đồng. Chi phí khấu hao được tính như sau:

Giá trị ban đầu	150 triệu đồng
Năm 1 Khấu hao (20%)	30 triệu đồng
Giá trị còn lại	120 triệu đồng
Năm 2 Khấu hao (20%)	24 triệu đồng
Giá trị còn lại	96 triệu đồng

Thực hành 20

5 phút 



Tiếp theo ví dụ trên, hãy tính giá trị còn lại cuối năm thứ ba.

Sử dụng phương pháp khấu hao số dư giảm dần, giá trị chiếc xe cuối năm thứ ba là 76,8 triệu đồng. Cách tính như sau:

Giá trị còn lại (đầu năm 3)	96 triệu đồng
Khấu hao (20%)	19,2 triệu đồng
Giá trị còn lại (cuối năm 3)	76,8 triệu đồng

Khấu hao là một khoản chi phí, nên sẽ làm giảm lợi nhuận. Do khấu hao có thể làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nên một số quy định pháp luật được đặt ra để kiểm soát việc tính khấu hao của các doanh nghiệp.

Nếu bạn áp dụng hai phương pháp khấu hao cho cùng một TSCĐ trong cùng một thời gian, bạn sẽ thấy phương pháp số dư giảm dần sẽ cho mức khấu hao lớn hơn trong những năm đầu. Các doanh nghiệp sẽ chọn phương pháp khấu hao nào phản ánh chính xác mức độ hao mòn của TSCĐ.

2.3 Sự khác biệt giữa hạch toán theo cơ sở lợi nhuận và theo cơ sở tiền mặt

Có một số khác biệt quan trọng giữa hai cách hạch toán này. Bảng dưới đây sẽ liệt kê vài điểm khác biệt chính:

	Hạch toán theo lợi nhuận	Hạch toán theo tiền mặt
Doanh thu	Ngay khi phát hành hóa đơn bán hàng, khoản mục lợi nhuận sẽ ghi nhận doanh thu, cho dù doanh nghiệp vẫn chưa thu tiền.	Chỉ khi nào doanh nghiệp thực sự thu tiền, họ mới hạch toán.
Tài sản cố định	Chỉ hạch toán phần lời (hoặc lỗ) của việc bán tài sản cố định.	Hạch toán toàn bộ số tiền bán tài sản cố định.
Chi phí	Ví dụ: doanh nghiệp nhận hóa đơn tính tiền điện. Ghi sổ thừa nhận chi phí ngay khi nhận được hóa đơn (chưa thanh toán tiền điện).	Không ghi sổ thừa nhận chi phí khi nhận hóa đơn tính tiền, chỉ ghi sổ thừa nhận chi phí khi thanh toán tiền điện.
Khấu hao	Khoản khấu hao được hạch toán là chi phí.	Vì không liên quan tới tiền mặt nên không hạch toán khấu hao trong phần thu chi tiền mặt.

3 Bảng cân đối kế toán

Bạn đã được giới thiệu qua dạng và cấu trúc của Bảng cân đối kế toán ở phần B. Trong phần này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu kỹ hơn về tài sản và nguồn vốn, đồng thời bạn sẽ có cơ hội thực hành hoàn chỉnh bảng cân đối kế toán cho một doanh nghiệp giả định.

Thực hành 21

2 phút 



Hãy dùng từ **NỢ PHẢI TRẢ**, **NỢ PHẢI THU**, **TÀI SẢN** và **NGUỒN VỐN** để điền vào ô trống thích hợp:

- 1 Nếu doanh nghiệp nợ tiền ai đó, khoản tiền sẽ được ghi nhận là _____, thuộc phần _____ trên bảng cân đối kế toán.
- 2 Nếu doanh nghiệp cho ai đó nợ tiền, khoản tiền sẽ được ghi nhận là _____, thuộc phần _____ trên bảng cân đối kế toán.

Bài tập này chỉ là ôn lại những gì chúng ta biết. Đáp án như sau:

- 1 Nếu doanh nghiệp nợ tiền ai đó, khoản tiền sẽ được ghi nhận là **NỢ PHẢI TRẢ**, thuộc phần **NGUỒN VỐN** trên bảng cân đối kế toán.
- 2 Nếu doanh nghiệp cho ai đó nợ tiền, khoản tiền sẽ được ghi nhận là **NỢ PHẢI THU**, thuộc phần **TÀI SẢN** trên bảng cân đối kế toán.

3.1 Tài sản và nguồn vốn

Để nắm được khả năng tài chính của mình, chúng ta phải liệt kê tất cả những gì chúng ta **sở hữu** (đang có trong tay), những gì **người khác nợ ta và ta nợ người khác**. Đối với doanh nghiệp cũng cần liệt kê như vậy. Và chúng ta sẽ dùng hai thuật ngữ **tài sản** và **nguồn vốn** để thể hiện trên bảng cân đối kế toán.

Hãy thử làm Thực hành dưới đây để chắc chắn rằng bạn đã thông suốt về tài sản và nguồn vốn.

Thực hành 22

5 phút 



Hãy xác định các khoản dưới đây là TÀI SẢN hay NGUỒN VỐN

	TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
a Tiền khách hàng nợ doanh nghiệp	☐	☐
b Tiền doanh nghiệp nợ nhà cung cấp	☐	☐
c Tiền gửi tại ngân hàng	☐	☐
d Nhà xưởng	☐	☐
e Máy móc thiết bị	☐	☐
f Phương tiện vận chuyển	☐	☐
g Hàng chờ bán	☐	☐
h Thuế phải trả	☐	☐

TÀI SẢN trong danh mục trên bao gồm:

- a Tiền khách hàng nợ doanh nghiệp
- c Tiền gửi tại ngân hàng
- d Nhà xưởng
- e Máy móc thiết bị
- f Phương tiện vận chuyển
- g Hàng chờ bán

NGUỒN VỐN trong danh mục trên bao gồm:

- h Thuế phải trả
- b Tiền doanh nghiệp nợ nhà cung cấp

Nào, bây giờ hãy xem bạn có gặp khó khăn trong việc phân biệt đâu là tài sản cố định và tài sản lưu động không nhé!

Thực hành 23

3 phút 



Anh và Thu đang muốn mở một quán cà phê để kinh doanh. Để quán cà phê hoạt động, Anh và Thu cần những thứ nào dưới đây?

- Một căn nhà ☐
- Một xe giao hàng nhỏ ☐
- Một dàn máy nghe nhạc ☐
- Máy tính tiền ☐

Viết thêm vào khoảng trống dưới đây những thứ khác mà bạn cho là cần thiết:

.....

.....

.....

Anh và Thu chắc chắn cần mặt bằng để mở quán, nhưng họ có thể mua hoặc đi thuê mặt bằng. Ngoài ra Anh và Thu cần thêm bếp, tủ kem, bàn ghế, dàn máy nghe nhạc, loa, và có thể cả máy tính tiền. Xe giao hàng nhỏ có lẽ không cần đối với quán cà phê của họ. Bạn có thể nghĩ ra thêm nhiều ví dụ khác nữa.

Căn nhà, xe và một số thiết bị tương tự được mua để sử dụng lâu dài, những món này không phải để mua rồi bán lại kiếm lời. Do đó, chúng được phân loại là **tài sản cố định**. Tài sản cố định không phải là vật rẻ tiền, mau hỏng, nên thường sử dụng được nhiều hơn một năm.

Không quá khó để nhận diện tài sản cố định phải không bạn? Hãy tiếp tục với tài sản lưu động trong Thực hành tiếp theo.

Thực hành 24

2 phút 



Bạn hãy cho biết khoản mục nào dưới đây là tài sản lưu động của quán cà phê.

- thực phẩm/nước uống ☐
- khoản mua chịu từ đại lý bia, nước ngọt ☐
- lương nhân viên phục vụ ☐
- tiền trong két ☐

Cho tới năm sau thì tất cả các khoản trên đều không còn. Vậy chúng đều là *ngắn hạn* hay *lưu động*. Tuy nhiên, khoản mua chịu từ đại lý bia, nước ngọt là nợ phải trả; lương nhân viên phục vụ là chi phí. Vậy, chỉ có thực phẩm/nước uống và tiền trong két thuộc sở hữu của Anh và Thu, nên là **tài sản lưu động**.

3.2 Vốn kinh doanh

Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần tiền để khởi sự. Một cửa hiệu rửa xe cũng cần vốn để mua xà phòng, hóa chất tẩy rửa và có thể để chi cho đăng báo quảng cáo nữa. Một người làm dịch vụ sửa chữa máy tính tại nhà thì cũng cần vốn để mua máy móc và vài thứ văn phòng phẩm. Nguồn tiền được sử dụng thường xuyên lâu dài tại doanh nghiệp được gọi là **vốn** hay **vốn đang sử dụng**. Trong một số hình thức doanh nghiệp khác, vốn được đóng góp dưới dạng **vốn cổ phần** và **cổ đông** sẽ là người bỏ tiền ra để đầu tư, mua toàn bộ cổ phần của công ty.

Thực hành 25

5 phút 



Anh và Thu đang cân nhắc các giải pháp huy động vốn. Giải pháp nào dưới đây có thể cung cấp vốn cho họ? Bạn hãy đánh dấu vào ô thích hợp.

- Tiền tiết kiệm của Anh và Thu. ☐
- Tiền đi vay ngân hàng. ☐
- Quà tặng của một người bà con cho Thu. ☐
- Hùn vốn với một người khác (bán cổ phần). ☐
- Tiền trợ cấp thôi việc của Anh. ☐

Giải thích ngắn gọn chọn lựa của bạn.

Phương án nào cũng có thể áp dụng được. Tuy nhiên kêu gọi hùn vốn, bán cổ phần của một dự án chưa hình thành là một điều tương đối khó. Bung ra làm ăn là có rủi ro nên Anh và Thu có lẽ không muốn đụng tới số tiền đang dành dụm cho tương lai. Họ cũng không chọn đi vay vì không muốn vướng vào những rắc rối với ngân hàng trong trường hợp công việc kinh doanh không được thành công. Vậy sự lựa chọn tốt nhất là dùng tiền trợ cấp thôi việc của Anh. Nếu phần quà tặng không có điều kiện gì kèm theo thì đó cũng có thể là phương án tốt nhất.

C

Nếu Anh và Thu sử dụng tiền trợ cấp thôi việc của Anh và/hoặc quà tặng bằng hiện kim của người bà con cho Thu để làm vốn kinh doanh, số tiền đó được ghi nhận là **vốn chủ sở hữu**. Nếu những khoản tiền này chưa đủ, họ có thể mua chịu từ nhà cung cấp, vay ngắn hạn từ ngân hàng... Các khoản phải trả này có thời gian đáo hạn ngắn (dưới một năm), nên được gọi là **nợ ngắn hạn**.

Bạn thường gặp một số khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán của một số doanh nghiệp như sau:

- Nợ dài hạn đến hạn trả
- Phải trả cho người bán
- Người mua trả tiền trước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Phải trả cho nhân viên (lương, thưởng, trợ cấp...)
- Các khoản chi phí trích trước
- Tiền ký quỹ của đại lý

Ngoài ra, nếu các khoản phải trả có thời hạn thanh toán dài hơn 1 năm, doanh nghiệp sẽ ghi nhận là **nợ dài hạn** trên bảng cân đối kế toán. Ví dụ như:

- Vay ngân hàng dài hạn (thời hạn vay dài hơn 1 năm);
- Vay dài hạn có thế chấp (nhà xưởng, máy móc thiết bị).

Thường thì mỗi năm một hoặc vài lần, tất cả tài sản và nợ của doanh nghiệp được tập hợp vào một báo cáo, đó là **Bảng cân đối kế toán** (bảng tổng kết tài sản/bảng cân đối tài sản).

Bạn đã biết ở phần B, bảng cân đối kế toán bao gồm 2 phần: phần mô tả tài sản doanh nghiệp hiện có (bên NỢ) và phần mô tả các trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp – nguồn vốn (bên CÓ). Theo tên gọi, rõ ràng tổng số tài sản của doanh nghiệp phải bằng tổng nguồn vốn.

Dưới đây là một bảng cân đối kế toán khá đơn giản và chưa hoàn chỉnh.

Công ty thiết bị văn phòng Thế Hệ Mới
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tiền gửi ngân hàng	200	Phải trả người bán	200
Nợ phải thu	400		
Hàng tồn kho	<u>400</u>		
	1.000		
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Nhà xưởng	1.600		
Máy móc	320		
Xe cộ	<u>400</u>		
	2.320		
Tổng tài sản	<u>3.320</u>	Tổng nguồn vốn	<u>200</u>

Bảng cân đối kế toán trên rõ ràng là chưa làm xong. Bạn có thể thấy ngay là hai số tổng không bằng nhau. Nguyên tắc của Bảng cân đối kế toán là số dư bên NỢ (tổng tài sản) phải bằng số dư bên CÓ (tổng nguồn vốn).

Nếu lấy giá trị của tổng tài sản trừ đi số nợ chúng ta được con số 3.120 triệu đồng. Đây cũng chính là **vốn chủ sở hữu**.

$$\text{Vốn chủ sở hữu} = \text{Giá trị tổng tài sản} - \text{Giá trị tổng nợ}$$

Vậy ta có thể hoàn chỉnh bảng cân đối kế toán cho Công ty thiết bị văn phòng Thế Hệ Mới như sau:

Công ty thiết bị văn phòng Thế Hệ Mới
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tiền gửi ngân hàng	200	Phải trả người bán	200
Nợ phải thu	400		
Hàng tồn kho	400		
	1.000		
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Nhà xưởng	1.600	Vốn chủ sở hữu	3.120
Máy móc	320		
Xe cộ	400		
	2.320		
Tổng tài sản	<u>3.320</u>	Tổng nguồn vốn	<u>3.320</u>

Bảng cân đối kế toán của bạn đã “cân đối”: số dư bên NỢ (tổng tài sản) cân bằng với số dư bên CÓ (tổng nguồn vốn).

Bây giờ, hãy thử trình bày một bảng cân đối kế toán với những số liệu được đưa lên từ phòng kế toán.

Thực hành 26

5 phút 



Phòng kế toán của Công ty Bao bì nhựa Tiềm Dụng cung cấp cho bạn các số liệu dưới đây. Hãy xác định khoản mục nào là tài sản hay nguồn vốn và đặt vào đúng vị trí trên bảng kế sẵn bên dưới. Từ những số liệu đã cho, hãy tìm ra số liệu cho khoản mục vốn chủ sở hữu và hoàn chỉnh bảng cân đối kế toán này.

Nhà xưởng	4.000 triệu đồng
Máy móc	2.400 triệu đồng
Xe cộ	1.300 triệu đồng
Tồn kho hàng hóa	870 triệu đồng
Nợ phải thu	650 triệu đồng
Vay ngắn hạn	1.500 triệu đồng
Tiền gửi ngân hàng	300 triệu đồng

Lưu ý:

Có ba tài sản cố định
Có ba tài sản lưu động

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tiền gửi ngân hàng		Vay ngắn hạn	
Nợ phải thu			
Hàng tồn kho	_____		
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Nhà xưởng		Vốn chủ sở hữu	
Máy móc			
Xe cộ	_____		
Tổng tài sản	_____	Tổng nguồn vốn	_____

Công ty Bao bì nhựa Tiềm Dụng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tiền gửi ngân hàng	300	Vay ngắn hạn	1.500
Nợ phải thu	650		
Hàng tồn kho	<u>870</u>		
	1.820		
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Nhà xưởng	4.000	Vốn chủ sở hữu	8.020
Máy móc	2.400		
Xe cộ	<u>1.300</u>		
	7.700		
Tổng tài sản	<u><u>9.520</u></u>	Tổng nguồn vốn	<u><u>9.520</u></u>

Bạn có thấy tổng số dư bên Nợ bằng tổng số dư bên Có không?

Tuy không cho biết trị giá thật sự của doanh nghiệp là bao nhiêu nhưng bảng cân đối kế toán thể hiện rõ doanh nghiệp được tài trợ bằng nguồn tài chính nào.

Trong Thực hành trên, Công ty Bao bì nhựa Tiềm Dụng có ba tài sản cố định và ba tài sản lưu động. Những tài sản này được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu 8.020 triệu đồng và vốn vay 1.500 triệu đồng.

Bây giờ chúng ta xem xét một bảng cân đối kế toán phức tạp hơn.

Thực hành 27

2 phút 



Vào ngày 31 tháng 12 năm 200X, Công ty cổ phần Hoa Hướng Dương có các tài sản và trách nhiệm tài chính như sau: (đvt: triệu đồng)

1	Đầu tư dài hạn	1.000
2	Tài sản cố định	20.000
3	Khấu hao tích lũy	(4.000)
4	Tồn kho	950
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50)
6	Khoản phải thu	620
7	Dự phòng nợ khó đòi	(20)
8	Lợi nhuận chưa phân phối	9.200
9	Tiền gửi ngân hàng	100
10	Phải trả người bán	1.300
11	Vốn cổ đông	5.000
12	Vay dài hạn	1.800
13	Cổ phiếu ưu đãi	1.000
14	Cổ tức còn phải trả cho cổ đông	200
15	Trích trước chi phí	100

Hãy sắp xếp các khoản trên thành bảng cân đối kế toán.

Công ty cổ phần Hoa Hướng Dương
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Tổng tài sản		Tổng nguồn vốn	

Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Hoa Hướng Dương được trình bày như sau:

Công ty cổ phần Hoa Hướng Dương
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản lưu động		Nợ phải trả	
Tiền gửi ngân hàng	100	Phải trả người bán	1.300
Khoản phải thu	620	Vay dài hạn	1.800
Dự phòng nợ khó đòi (20)		Cổ tức phải trả	200
Tồn kho	950	Chi phí trích trước	100
Dự phòng giảm giá HTK (50)			
	<u>1.600</u>		<u>3.400</u>
Tài sản cố định		Nguồn vốn	
Tài sản cố định	20.000	Cổ phiếu ưu đãi	1.000
Khấu hao tích lũy (4.000)		Vốn cổ đồng	5.000
Đầu tư dài hạn	<u>1.000</u>	Lợi nhuận chưa phân phối	<u>9.200</u>
	<u>17.000</u>		<u>15.200</u>
Tổng tài sản	<u><u>18.600</u></u>	Tổng nguồn vốn	<u><u>18.600</u></u>

C

- **Nguồn vốn** bao gồm vốn cổ đông, cổ phiếu ưu đãi và lợi nhuận giữ lại (trích từ báo cáo kết quả kinh doanh). Tổng nguồn vốn của Công ty cổ phần Hoa Hướng Dương hiện là 15.200.
 - **Khấu hao tích lũy** là một con số lũy kế các chi phí khấu hao của tài sản cố định cho tới thời điểm hiện tại. Khoản này được ghi vào bên NỢ (tài sản) và làm giảm (trừ bớt) giá trị ban đầu (nguyên giá) của các tài sản cố định. Đây là một trong số vài khoản mục có giá trị âm trên bảng tổng kết tài sản.
 - Một trường hợp khác cũng ghi giá trị âm bên phần tài sản là khoản mục **dự phòng nợ khó đòi**. Khoản này thực chất là một chi phí đã được hạch toán trong kỳ, dùng để bù đắp những khoản khách hàng nợ nhưng doanh nghiệp khó có hy vọng thu hồi (ví dụ: khách hàng nợ quá hạn hơn 1 năm). Trong Bảng tổng kết tài sản, dự phòng nợ khó đòi được ghi thành một khoản mục âm để làm giảm khoản phải thu.
 - **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho** cũng tương tự, được trích vào chi phí trong kỳ để dự phòng một số hàng tồn kho bị giảm giá trị (nghĩa là giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm lập báo cáo thấp hơn so với giá trị ghi nhận trên sổ sách).
 - **Đầu tư**, giống như tiền bạn gửi vào quỹ tiết kiệm để kiếm lời, là một tài sản. Nếu doanh nghiệp dự định duy trì khoản đầu tư này hơn một năm thì khoản tiền này được gộp chung vào tài khoản tài sản cố định. Nếu khoản đầu tư dưới một năm thì xếp vào Tài sản lưu động.
- Bây giờ hẳn là bạn đã nắm rõ ý nghĩa của các số liệu tài chính mà bạn sẽ gặp trên bảng cân đối kế toán và biết nhận định rằng chúng được thể hiện đúng vị trí hay không.

4 Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng dự báo tiền mặt

4.1 Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Để tồn tại (không bị tuyên bố là phá sản) và hoạt động có lợi nhuận, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải đảm bảo có tiền mặt đủ và kịp lúc để đáp ứng nhu cầu thanh toán. Giữa lợi nhuận và tiền mặt có sự khác biệt đáng kể. Doanh thu có được ngay khi bán và giao hàng trong khi tiền bán hàng có thể cả tháng sau mới nhận được.

Để kiểm soát được tiền mặt trong doanh nghiệp, người ta dùng bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Để lập bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bạn có thể dùng phương pháp trực tiếp (tức là liệt kê các khoản thực chi và thu bằng tiền mặt) hoặc bằng phương pháp gián tiếp (được suy ra từ bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán). Về nguyên tắc cả hai phương pháp này đều cho bạn cùng một kết quả.



Ở Việt Nam, các doanh nghiệp thường chọn phương pháp gián tiếp để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ khi công bố ra bên ngoài. Tuy nhiên, việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp khá phức tạp, chúng tôi chỉ trình bày mẫu ở phần Phụ lục. Phần dưới đây chúng tôi sẽ kết hợp trình bày cách lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp với cách lập dự báo tiền mặt.

C

4.2 Bảng dự báo tiền mặt

Có một kỹ thuật mà các doanh nghiệp thường dùng để lên kế hoạch kiểm soát tiền ra vào doanh nghiệp là **dự báo tiền mặt**. Phương pháp lập dự báo tiền mặt cũng giống như phương pháp lập bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tuy nhiên, bảng dự báo tiền mặt là một báo cáo kế toán **xác định trước** các khoản thu nhập và chi tiêu sắp thực hiện. Bảng dự báo sẽ được so sánh với các số liệu thực tế xảy ra hàng tuần hoặc hàng tháng.

Hãy xem xét ví dụ sau. Tiệm bánh Ngon có bảng dự báo tiền mặt như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Tuần 1		Tuần 2		Tuần 3		Tuần 4	
	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế
<i>Thu</i>								
Bánh mì	3.500		3.500		3.500			
Bánh ngọt	8.500		8.500		8.500			
Tổng thu	12.000		12.000		12.000			
<i>Chi</i>								
Nguyên liệu	3.000		3.000		3.000			
Lương	5.000		5.000		5.000			
Chi phí chung	500		500		500			
Vận chuyển	1.800		1.800		1.800			
Tổng chi	10.300		10.300		10.300			
Chênh lệch thu chi	1.700		1.700		1.700			
Số dư đầu kỳ	0		1.700		3.400			
Số dư cuối kỳ	1.700		3.400		5.100			

Bảng trên dự báo cho ba tuần hoạt động. Các khoản thu nhập trên dựa vào doanh số bán bánh mì và bánh ngọt. Kế tiếp là liệt kê các khoản chi phí sản xuất và giao bánh cho khách hàng.

Chênh lệch giữa tiền nhận về và tiền thanh toán là **chênh lệch thu chi** hay **dự báo tiền mặt**. Ví dụ tuần 1 có chênh lệch 1,7 triệu đồng.

Số dư đầu kỳ là số dư mang từ tuần trước qua. Số dư cuối kỳ là số dư mang qua tuần sau. Vì tuần 1 là tuần hoạt động đầu tiên nên số dư mang từ tuần trước đó phải bằng 0.

Bảng dự báo trên được thực hiện theo phương pháp trực tiếp, tức là bảng báo cáo dòng tiền liệt kê các loại thu chi tiền mặt thực tế. Ngoài ra, bạn cũng có thể thấy những báo cáo tiền mặt theo phương pháp gián tiếp. Những báo cáo này sẽ xuất phát từ giá trị lợi nhuận thuần và hiệu chỉnh những yếu tố doanh thu và chi phí phi tiền mặt. Tuy hai phương pháp này cho cùng một kết quả, nhưng nhìn chung, phương pháp trực tiếp dễ hiểu hơn phương pháp gián tiếp.

Để nắm rõ hơn báo cáo thu chi tiền mặt, bạn hãy làm Thực hành sau.

Thực hành 28

5 phút 



a Trong ước tính thu chi của tiệm Ngon, ước lượng doanh thu hàng tuần là bao nhiêu?

.....

b Ước tính lương hàng tuần?

.....

c Ước tính tổng chi phí hàng tuần?

.....

d Giả sử các số liệu doanh thu và chi phí không thay đổi, hãy điền số liệu cho tuần thứ tư và tính số dư tiền mặt cuối kỳ của tuần này.

.....

.....

Các số liệu chính xác là:

a 12 triệu đồng

b 5 triệu đồng

c 10,3 triệu đồng

d 6,8 triệu đồng

(xem số liệu của tuần thứ tư ở trang kế)

Ở ví dụ này, doanh nghiệp đã ước tính thu nhập và chi phí ổn định đều đặn. Trong những trường hợp phức tạp hơn, doanh nghiệp phải có kế hoạch ứng với các biến động về doanh thu và chi phí.

Như đã nói ở trên, số dự báo sẽ được so sánh với số thực tế. Bảng dưới đây so sánh kết quả hoạt động thực tế với dự báo của tuần đầu tiên.

.....

C

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Tuần 1		Tuần 2		Tuần 3		Tuần 4	
	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế
Thu								
Bánh mì	3.500	3.200	3.500		3.500		3.500	
Bánh ngọt	8.500	8.100	8.500		8.500		8.500	
Tổng thu	12.000	11.300	12.000		12.000		12.000	
Chi								
Nguyên liệu	3.000	3.100	3.000		3.000		3.000	
Lương	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	
Chi phí chung	500	500	500		500		500	
Vận chuyển	1.800	2.000	1.800		1.800		1.800	
Tổng chi	10.300	10.600	10.300		10.300		10.300	
Chênh lệch thu chi	-1.700		1.700		1.700		1.700	
Số dư đầu kỳ	0		1.700		3.400		5.100	
Số dư cuối kỳ	1.700		3.400		5.100		6.800	

Thực hành 29

15 phút 



Xem bảng trên, hãy tính chênh lệch thu chi thực tế cuối tuần 1 và điền vào bảng?

.....

.....

Số dư đầu kỳ thực tế bằng 0, vậy Số dư cuối kỳ của tuần 1 là bao nhiêu?

.....

Chênh lệch thu chi thực tế cuối tuần 1 là 700 ngàn đồng. Đây cũng chính là số dư cuối kỳ của tuần 1, sẽ được chuyển tiếp sang tuần 2. Số dư cuối kỳ tuần này sẽ là số dư đầu kỳ của tuần kế tiếp.

700 ngàn được tính bằng cách lấy 11,3 triệu đồng doanh thu trừ 10,6 triệu đồng chi phí.

Thực hành 30

3 phút 



Vào tuần thứ hai, có các số liệu thực tế như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu

Bánh mì 3.000

Bánh ngọt 8.000

Chi phí

Nguyên liệu 3.000

Lương 5.000

Chi phí chung 700

Vận chuyển 1.800

Hãy điền các số liệu trên vào bảng, tính số dư cuối kỳ của tuần 2.

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Tuần 1		Tuần 2		Tuần 3		Tuần 4	
	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế
Thu								
Bánh mì	3.500	3.200	3.500	3.000	3.500		3.500	
Bánh ngọt	8.500	8.100	8.500	8.000	8.500		8.500	
Tổng thu	12.000	11.300	12.000	11.000	12.000		12.000	
Chi								
Nguyên liệu	3.000	3.100	3.000	3.000	3.000		3.000	
Lương	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000	
Chi phí chung	500	500	500	700	500		500	
Vận chuyển	1.800	2.000	1.800	1.800	1.800		1.800	
Tổng chi	10.300	10.600	10.300	10.500	10.300		10.300	
Chênh lệch thu chi	1.700	700	1.700	500	1.700		1.700	
Số dư đầu kỳ	0	0	1.700	700	3.400		5.100	
Số dư cuối kỳ	1.700	700	3.400	1.200	5.100		6.800	

Số dư cuối kỳ của tuần 2 và được đem sang tuần 3 là 1,2 triệu đồng.

Bạn có thể thấy ước lượng số dư tiền mặt vào thời điểm này là 3,4 triệu đồng trong khi thực tế chỉ đạt 1,2 triệu đồng. Như vậy doanh thu chưa bao giờ đạt được số ước tính trong khi các con số ước lượng chi phí không sai biệt bao nhiêu so với thực tế.

Việc so sánh số liệu thực tế với số liệu dự tính sẽ cung cấp cho lãnh đạo những thông tin bổ ích để ra quyết định.

Bây giờ chúng ta sẽ tiến thêm một bước nữa.

Trong tuần thứ ba, có một ngày nghỉ lễ. Đáng tiếc là tiệm bánh của chúng ta không tiên liệu trước sự thay đổi của doanh số vào ngày này. Cũng trong tuần này, chiếc xe của tiệm lại bị hư hỏng và phải thay thế. Lò nướng cũng bắt đầu có trục trặc. Số liệu thực tế trong tuần này như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu

Bánh mì 2.800

Bánh ngọt 7.300

Chi phí

Nguyên liệu 3.000 (nguyên liệu vẫn đặt hàng bình thường)

Lương 5.000 (ngày lễ vẫn phải trả lương công nhân)

Chi phí chung 800 (tính thêm chi phí sửa lò nướng)

Vận chuyển 1.800 (tính thêm chi phí sửa xe)

Thực hành 31

4 phút 



Hãy điền các số liệu của tuần 3 vào bảng. Số dư cuối kỳ của tuần 3 là bao nhiêu? Bạn có nhận xét gì về số dư này.

.....

.....

Bạn hẳn là đã nhận thấy Chênh lệch thu chi vào cuối tuần 3 là số âm. 10,1 triệu đồng doanh thu trừ đi 10,6 triệu đồng chi phí sẽ là thâm hụt 500 ngàn đồng tiền mặt trong tuần 3. Số âm trong kế toán

được viết trong ngoặc đơn. Do vậy, bạn sẽ thấy khoản thâm hụt này trong tuần 3 sẽ được ghi là (500). Lấy số dư đầu kỳ của tuần 3 là 1,2 triệu đồng trừ đi thì vẫn còn 700 ngàn đồng.

Phần thâm hụt này có nghĩa là tiệm bánh hân đã phải mượn tiền ở đâu đó hoặc trì hoãn thanh toán một vài khoản phí.

Chúng ta có thêm số liệu của tuần 4:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu

Bánh mì 3.500

Bánh ngọt 8.500

Chi phí

Nguyên liệu 2.500

Lương 5.000

Chi phí chung 500

Vận chuyển 2.000

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Tuần 1		Tuần 2		Tuần 3		Tuần 4	
	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế	Dự báo	Thực tế
<i>Thu</i>								
Bánh mì	3.500	3.200	3.500	3.000	3.500	2.800	3.500	3.500
Bánh ngọt	8.500	8.100	8.500	8.000	8.500	7.300	8.500	8.500
Tổng thu	12.000	11.300	12.000	11.000	12.000	10.100	12.000	12.000
<i>Chi</i>								
Nguyên liệu	3.000	3.100	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500
Lương	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
Chi phí chung	500	500	500	700	500	800	500	500
Vận chuyển	1.800	2.000	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	2.000
Tổng chi	10.300	10.600	10.300	10.500	10.300	10.600	10.300	10.000
Chênh lệch thu chi	1.700	700	1.700	500	1.700	(500)	1.700	2.000
Số dư đầu kỳ	0	0	1.700	700	3.400	1.200	5.100	700
Số dư cuối kỳ	1.700	700	3.400	1.200	5.100	700	6.800	2.700

Thực hành 32

5 phút 



Sau khi đã điền số liệu thực tế vào bảng và so sánh với những số ước tính ban đầu, giả sử bạn là chủ tiệm bánh Ngon, bạn sẽ có biện pháp gì cho tình hình hiện nay?

.....

.....

.....

C

Bạn có thể nhận thấy ngay được là số thu chi tiền mặt thực tế không mấy khi trùng với số ước tính. Chủ tiệm bánh cần lưu ý điều đó và cần biết cách lên kế hoạch sao cho sát. Tiệm này cũng cần chú ý giảm chi phí, đặc biệt là nếu bánh làm ra không bán được phải đổ đi lãng phí.

Quan trọng hơn, chủ tiệm cần biết rằng lượng bán ra trong một thời gian ngắn là có giới hạn và doanh số ước lượng không nên quá tham.

Thực hành 33

15 phút 



Bạn thử nhìn qua bảng dự báo tiền mặt tại doanh nghiệp của bạn hoặc của một tổ chức nào đó. Hãy xem xét các kết quả thực tế với số ước tính. Hãy viết một báo cáo có đề cập các mục sau:

- mức độ chính xác của số ước tính;
- nguyên do có sai biệt giữa số thực tế và ước tính;
- những sai biệt cho ta biết được điều gì.

Bạn thử đề xuất ý kiến của mình về công tác lập dự báo tiền mặt.

.....

.....

.....

Bảng dự báo tiền mặt là một thông tin cần thiết cho các cấp lãnh đạo. Các công việc trên sẽ giúp bạn đánh giá được mức độ sử dụng các nguồn lực mỗi ngày. Bạn có thể đã có những lúc thấy số thực tế rất khớp với số ước tính và những lúc kế hoạch bị đảo lộn vì những biến cố bên ngoài. Là giám đốc bộ phận sản xuất hoặc kinh doanh trực tiếp, nhiều lúc bạn phải thay đổi hoặc điều chỉnh quy mô hoạt động và lãnh đạo có thể yêu cầu làm như vậy dựa trên những ước tính của họ về thu chi tiền mặt.

C

Hãy tự đánh giá 3

15 phút 



1 Hãy ghép những từ bên trái vào các định nghĩa tương ứng:

- | | |
|---------------------|--|
| a Vốn chủ sở hữu | (i) Tài sản của doanh nghiệp và không được mua đi bán lại. |
| b Tài sản cố định | (ii) Vốn do chủ doanh nghiệp bỏ ra |
| c Vốn lưu động | (iii) Người mà doanh nghiệp nợ tiền |
| d Chi phí nhân công | (iv) Người nợ tiền doanh nghiệp |
| e Chi phí chung | (v) Tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn |
| f Con nợ | (vi) Chi phí trả cho người lao động trong doanh nghiệp |
| g Chủ nợ | (vii) Các chi phí phụ như thuê nhà, điện nước... |

2 Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp thương mại Bảo An. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 200X theo mẫu dưới đây. Các số liệu có đơn vị tính là triệu đồng.

- | | |
|--|---------|
| a Doanh thu tiền mặt: | 132.000 |
| b Doanh thu bán chịu: | 23.000 |
| c Tồn kho đầu kỳ: | 15.000 |
| d Tồn kho cuối kỳ: | 12.000 |
| e Mua hàng hóa: | 75.000 |
| f Chi phí hoạt động: | 18.000 |
| g Lãi vay ngân hàng: | 2.000 |
| h Khấu hao: | 8.000 |
| i Thuế lợi tức doanh nghiệp: 32% lợi tức | |
| j Cổ tức sẽ phân phối: 40% lợi nhuận thuần | |

Doanh nghiệp Bảo An
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu		
Trừ đi giá vốn hàng bán		
Lợi nhuận gộp		
Chi phí hoạt động		
Lãi vay ngân hàng		
Khấu hao		
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế lợi tức (32%)		
Lợi nhuận thuần		
Cổ tức (40%)		
Lợi nhuận chưa phân phối		

- 3 Hường là chủ một cơ sở sản xuất nước chấm gia đình. Trong hai tháng đầu tiên hoạt động, Hường có các giao dịch tiền mặt như sau:

Tháng Năm:

- Vốn khởi sự doanh nghiệp: 250 triệu đồng
- Thu từ bán hàng: 350 triệu đồng
- Mua hàng hóa: 275 triệu đồng
- Chi phí chung: 45 triệu đồng

Tháng Sáu:

- Thu từ bán hàng: 316 triệu đồng
- Mua hàng hóa: 253 triệu đồng
- Chi phí chung: 50 triệu đồng

Hường dự tính mua một chiếc xe tải nhỏ giá 250 triệu đồng vào đầu tháng Bảy. Liệu Hường có khả năng mua và thanh toán tiền mặt không? Hãy giải thích.

.....

.....

.....

.....

- 4 Một doanh nghiệp kéo dài thời gian cho khách hàng trả chậm (không tính lãi suất) từ một tháng lên sáu tháng. Hãy cho biết những vấn đề có thể phát sinh từ việc thay đổi này. Làm như vậy sẽ có lợi gì?

.....

.....

.....

.....



5 Tóm tắt



- Để xác định **lợi nhuận trước thuế**, phải tính đủ tất cả các chi phí hoạt động, ví dụ lãi vay ngân hàng, khấu hao.
- **Chi phí chung** là các chi phí điện nước, văn phòng phẩm, thuê mướn mặt bằng... nói chung.
- **Khấu hao tài sản cố định** là một chi phí. Chi phí **khấu hao hàng năm** được liệt kê trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. **Khấu hao tích lũy** được đưa vào Bảng cân đối kế toán.
- **Lợi nhuận chưa phân phối** bằng **lợi nhuận thuần** trừ đi **cổ tức** sẽ chia. Khoản này là phần tái đầu tư của doanh nghiệp, và được đưa vào Bảng cân đối kế toán.
- Tiền và bất cứ các nguồn lực vật chất (hay phi vật chất) khác mà doanh nghiệp đang sở hữu/sử dụng được gọi là **tài sản** và được liệt kê ở **phần Tài sản** của Bảng cân đối kế toán.
- Các trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp được gọi là **nguồn vốn**, và được liệt kê ở **phần nguồn vốn** của Bảng cân đối kế toán.
- **Tài sản** bao gồm:
 - **Lưu động**: có thể chuyển thành tiền tương đối nhanh chóng.
 - **Cố định**: được giữ tại doanh nghiệp và sử dụng lâu dài.
- Vốn kinh doanh của doanh nghiệp hình thành từ những nguồn sau:
 - **Chủ sở hữu** (vốn của chủ doanh nghiệp-đối với doanh nghiệp tư nhân, trách nhiệm hữu hạn, v.v.);
 - **Vốn cổ đông** (vốn cổ phần-đối với doanh nghiệp cổ phần);
 - **Chủ nợ** (vốn vay, vốn này về sau phải trả lại cho chủ nợ).
- **Vốn sẽ được**:
 - Đầu tư mua **tài sản cố định**, ví dụ nhà xưởng máy móc, những thứ không phải để mua đi bán lại kiếm lời.
 - Sử dụng làm **vốn lưu động**. Vốn này xoay vòng trong quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Khoản tiền doanh nghiệp mắc nợ các chủ nợ gọi là **nợ phải trả**, còn khoản tiền mà các con nợ mắc nợ doanh nghiệp là **khoản phải thu**.
- **Bảng thu chi tiền mặt dự kiến** là một cách thức lên kế hoạch, theo dõi và kiểm soát những khoản thu chi sẽ xảy ra trong giai đoạn sắp tới. Dù có sai sót nhưng công việc ước tính vẫn cần thiết để dự liệu những vấn đề có thể nảy sinh và chuẩn bị phương án đối phó.

C

6 Suy ngẫm



Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem bạn sẽ áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào? Hãy viết ra những suy nghĩ của bạn:

C



A! Tôi đã học được ...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....



A! Tôi đã học được ...

.....

.....

.....

Áp dụng khi nào?

.....

.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....

.....

.....

Phần D

Phân tích tài chính

- *Dẫn nhập*
- *Phân tích chỉ tiêu tài chính*
- *Tóm tắt*
- *Suy ngẫm*

1 Dẫn nhập

Bạn đã thấy rằng có rất nhiều thông tin chứa đựng bên trong các báo cáo tài chính. Khai thác và sử dụng những thông tin này như thế nào, dưới góc độ nào là tùy thuộc vào chính bạn. Bạn có thể dùng các thông tin được công bố trên báo cáo tài chính của một doanh nghiệp bất kỳ để phân tích và đánh giá sự lành mạnh về tài chính của doanh nghiệp đó.

Hơn ai hết, các nhà đầu tư hiểu tầm quan trọng và sự cần thiết của việc thông tin tài chính phải được công bố đầy đủ, trung thực và hợp lý trên báo cáo tài chính và các thuyết minh đính kèm. Mức độ ảnh hưởng của các thông tin tài chính đến quyết định của các nhà đầu tư cũng là lớn nhất. Ví dụ như khi ngân hàng xét cho vay, quỹ tài chính hay nhà đầu tư chuyên nghiệp quyết định đầu tư vào một cổ phiếu hay một doanh nghiệp nào đó, các bên này đều dựa vào một số chỉ tiêu tài chính để nhận định về thực trạng kinh doanh của khách hàng. Việc phân tích các chỉ tiêu tài chính giúp nhà đầu tư đánh giá rủi ro của việc đầu tư, từ đó có những quyết định thích hợp.

Thông qua phân tích các chỉ tiêu tài chính, doanh nghiệp có thể đánh giá hoạt động của từng loại hình kinh doanh, từng sản phẩm chuyên biệt cũng như khả năng điều hành của từng giám đốc/trưởng bộ phận liên quan. Một số doanh nghiệp được tổ chức theo những trung tâm quản lý lợi nhuận. (Nghĩa là từng bộ phận được hạch toán kế toán riêng biệt, trưởng bộ phận này sẽ chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về hiệu quả kinh doanh của bộ phận mình. Thông thường, các trung tâm quản lý lợi nhuận được phân quyền cho những sản phẩm/dịch vụ cụ thể

D

và riêng biệt.) Lúc này, phân tích tài chính sẽ được áp dụng cho từng trung tâm quản lý lợi nhuận để thể hiện rõ hiệu quả điều hành của từng trung tâm một.

Phần D này sẽ giới thiệu đến bạn những chỉ tiêu tài chính quan trọng để đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp cũng như đánh giá mức đóng góp của từng phòng ban trong kết quả chung.

2 Phân tích chỉ tiêu tài chính

Tỷ suất là tương quan giữa số này và số kia. Ví dụ nhóm công nhân thứ nhất có 12 người và nhóm thứ hai có 8 người, tỷ suất giữa hai nhóm có thể được trình bày như sau:

$$12 : 8 \text{ hoặc } \frac{12}{8} \text{ hoặc } 3 : 2 \text{ hoặc } \frac{3}{2} \text{ hoặc } 1,5 : 1$$

hoặc 1,5 lần hoặc 150%

Kế toán thường dùng một trong hai dạng cuối.

2.1 Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc

Để người đọc báo cáo tài chính có thể đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, Bộ Tài chính Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp phải công bố các chỉ tiêu tài chính trên thuyết minh báo cáo tài chính, theo 3 nhóm chính sau:

- **Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**
 - **Bố trí cơ cấu tài sản**
 - Tài sản cố định/Tổng tài sản
 - Tài sản lưu động/Tổng tài sản
 - **Bố trí cơ cấu nguồn vốn**
 - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn
 - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn
- **Khả năng thanh toán**
 - Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn (Hệ số khả năng thanh toán hiện hành)
 - Tỷ suất thanh toán nhanh (Hệ số khả năng thanh toán nhanh)
 - Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn

- Tỷ suất sinh lời (Hệ số doanh lợi)
 - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

2.2 Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

Các số liệu dùng để tính các tỷ số này sẽ được thu thập từ bảng cân đối kế toán. Các tỷ số về bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn được tính đơn giản và rõ ràng, bản thân tên gọi của từng chỉ tiêu đã bao hàm cách tính.

Ví dụ:

Các tỷ số về bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp Tinh Hoa như sau: (Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp Tinh Hoa được tìm thấy ở ngay trước thực hành 9, phần B)

Tỷ suất Tài sản cố định/Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\% = \frac{2.320}{3.320} \times 100\% = 69,9\%$
---	---

Tỷ suất Tài sản lưu động/Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\% = \frac{1.000}{3.320} \times 100\% = 30,1\%$
--	--

Tỷ suất Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\% = \frac{200}{3.320} \times 100\% = 6,0\%$
---	--

Tỷ suất Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\% = \frac{3.120}{3.320} \times 100\% = 94,0\%$
--	--

2.3 Các tỷ suất khả năng thanh toán

2.3.1 Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn

Bạn hẳn còn nhớ rằng tài sản lưu động là tiền mặt và các dạng tài sản có tính thanh khoản cao (dễ chuyển thành tiền). Nợ ngắn hạn là những khoản nợ cần phải thanh toán trong thời gian ngắn. Một

doanh nghiệp sáng suốt cần phải duy trì đủ tài sản lưu động để đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ ngắn hạn.

Yêu cầu này đưa đến một chỉ tiêu tài chính quan trọng, đó là **tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn** (còn gọi là **hệ số khả năng thanh toán hiện hành/tỷ suất tài sản lưu động trên nợ ngắn hạn**).

Tỷ suất này cho biết khả năng chi trả (nợ), hay nói cách khác là khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản lưu động} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{___ lần}$$

Ở các nước, lý do phá sản chính của doanh nghiệp thông thường là do không đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Thuật ngữ tài chính trong trường hợp này gọi là "mất khả năng thanh toán".

Ở Việt Nam, tuy luật phá sản doanh nghiệp chưa được chính thức thông qua, tỷ suất này cũng có tầm quan trọng lớn vì các giao dịch mua bán và huy động vốn của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Tỷ suất này còn có tên gọi khác là **tỷ suất vốn lưu động** vì nó so sánh tương quan giữa hai khía cạnh khác nhau của vốn lưu động: tài sản lưu động và nợ ngắn hạn.

Thực hành 34

2 phút 



Trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Nam Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 200X, tài sản lưu động trị giá 138 triệu đồng, không có đầu tư ngắn hạn và nợ ngắn hạn là 120 triệu đồng.

Hãy tính tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của Nam Long.

.....

.....

.....

Bạn có nghĩ rằng Nam Long sẽ gặp khó khăn khi thanh toán nợ ngắn hạn không? Đưa ra dẫn chứng cho câu trả lời của bạn.

.....

.....

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{138 \text{ triệu đồng} + 0}{120 \text{ triệu đồng}} = 1,15 \text{ lần}$$

Nam Long vẫn đủ khả năng chi trả. Tỷ suất bằng hoặc lớn hơn 1 có nghĩa là doanh nghiệp có đủ tài sản lưu động để trả mọi khoản nợ ngắn hạn.

Ai có thể đảm bảo rằng các tài sản lưu động như hàng tồn kho, các khoản phải thu sẽ kịp chuyển thành tiền để trả nợ đến hạn? Khách hàng mua chịu có xu hướng chiếm dụng vốn càng lâu càng tốt và thời hạn thanh toán thường từ một đến hai tháng. Hàng tồn kho càng khó chuyển đổi thành tiền hơn nữa. Nếu áp dụng chính sách bán chịu, doanh nghiệp của bạn phải nghĩ đến việc đẩy hàng đi trước đã, sau đó mới nghĩ đến việc thu tiền. Việc chuyển đổi hàng hóa thành tiền mặt sẽ càng mất nhiều thời gian hơn nếu doanh nghiệp phải tăng thời hạn thanh toán cho khách hàng để tổng bớt hàng chậm luân chuyển (ví dụ như thành phẩm lỗi thời do tồn kho quá lâu, nguyên vật liệu quá đặc thù, v.v...).

2.3.2 Tỷ suất thanh toán nhanh

Tỷ suất thanh toán hiện hành là một chỉ số tổng quát về khả năng chi trả nợ của một doanh nghiệp. Vì không thể dễ dàng chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền, khả năng thanh toán của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nhiều nếu giá trị tồn kho chiếm tỷ trọng lớn và nhiều khả năng không thể bán lấy tiền mặt hoặc tỷ lệ khoản phải thu cao. Do đó, để kiểm tra khả năng thanh toán một cách chặt chẽ hơn, chúng ta dùng **tỷ suất thanh toán nhanh** (còn gọi là **hệ số thanh toán nhanh**). **Tài sản chuyển đổi nhanh** được tính bằng cách lấy tài sản lưu động trừ cho giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu (như vậy tài sản chuyển đổi nhanh chủ yếu còn tiền mặt, tiền trong ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn). Đây là những loại tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền rất nhanh, hay bản thân chúng đã là tiền rồi.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{___ lần}$$

Bạn cũng cần lưu ý rằng nhiều sách khác nhau có thể cho bạn các công thức khác nhau ứng với cùng một thuật ngữ. Ví dụ, đối với tỷ suất thanh toán nhanh, rất nhiều sách sử dụng công thức sau:

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{___ lần}$$

Tỷ số này sẽ cho kết quả lớn hơn tỷ số bạn tính theo công thức ở trên. Ở đây, không tồn tại khái niệm công thức nào chính xác hơn công thức nào. Điều quan trọng là bạn hiểu ý nghĩa chính xác của công thức đó. Trong trường hợp trên, sự khác biệt giữa hai công thức chính là khoản phải thu. Nếu bạn sử dụng công thức đầu, nghĩa là bạn đang quan niệm rằng có nhiều rủi ro liên quan đến khoản phải thu và ta không nên tính đến khoản này để lấy tiền trả nợ. Trong công thức sau, bạn cho rằng doanh nghiệp có thể thu tiền nợ từ khách hàng một cách nhanh chóng để lấy tiền trả nợ. Điều quan trọng khi bạn sử dụng các tỷ số tài chính là bạn phải sử dụng CÙNG một công thức cho các tỷ số cần so sánh với nhau.

2.3.3 Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn

Ngoài việc quan tâm đến khả năng thanh toán trước mắt, các doanh nghiệp còn cần phải quan tâm đến khả năng thanh toán lâu dài. Một trong những **sai lầm lớn nhất** mà các doanh nghiệp phá sản hay gặp phải là **dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các tài sản cố định**. Về nguyên tắc, các tài sản cố định chỉ có thể chuyển sang tiền mặt trong thời gian lâu dài (hơn 1 năm). Trong khi đó, các khoản nợ ngắn hạn lại được yêu cầu trả trong thời gian ngắn. Do đó, có thể doanh nghiệp sẽ gặp trường hợp đến hạn trả nợ mà không có tiền và phải tuyên bố phá sản. Để đo lường khả năng phá sản này người ta có thể dùng **tỷ suất thanh toán nợ dài hạn**.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản cố định thuần}}{\text{Tổng nợ dài hạn}} = \text{___ lần}$$

Thực hành 35

2 phút 

Tiếp theo nội dung Thực hành 34, giả sử Nam Long có giá trị sổ sách của hàng tồn kho là 30 triệu đồng, tài sản cố định thuần là 500 triệu đồng và nợ dài hạn là 300 triệu đồng.

1 Tỷ suất thanh toán nhanh của Nam Long là bao nhiêu?

(Bạn sẽ phát hiện ra rằng bạn được yêu cầu tính tỷ suất thanh toán mà không có dữ liệu về tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn và khoản phải thu. Hãy cố gắng sử dụng những thông tin mà bạn có: tổng tài sản lưu động và số dư hàng tồn kho cuối kỳ.)

.....

.....

.....

2 Tỷ số thanh toán nợ dài hạn của Nam Long?

.....

.....

$$1 \text{ Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{138 \text{ triệu} - 30 \text{ triệu}}{120 \text{ triệu}} = 0,9 \text{ lần}$$

Chúng ta có thể tính tỷ suất thanh toán nhanh chỉ với những dữ liệu có sẵn: tổng tài sản lưu động và số dư hàng tồn kho cuối kỳ.

Phép tính được thực hiện như sau:

Tài sản lưu động = Tiền + Đầu tư ngắn hạn + Phải thu + Hàng tồn kho

Do đó:

Tài sản lưu động - Hàng tồn kho = Tiền + Đầu tư ngắn hạn + Phải thu

Tỷ suất thanh toán nhanh = 0,9 nghĩa là nếu công ty huy động tiền mặt trong khoản thời gian (rất) ngắn từ các nguồn chắc chắn như tiền mặt đầu tư ngắn hạn và khoản phải thu thì công ty có thể trả được khoảng 90% tổng các khoản nợ ngắn hạn.

$$2 \text{ Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn} = \frac{500 \text{ triệu}}{300 \text{ triệu}} = 1,67 \text{ lần}$$

Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn = 1,67 nghĩa là tài sản cố định của công ty có giá trị cao hơn tổng nợ dài hạn đến 1,67 lần.

Với kết quả về tỷ suất thanh toán nhanh và tỷ suất thanh toán nợ dài hạn của Nam Long như trên, ta có thể đánh giá khả năng thanh toán của Nam Long là tương đối tốt. Tuy nhiên các sách về tài chính thường đề nghị các tỷ suất như sau:

- 2:1 (2 lần) cho tỷ suất thanh toán hiện hành;
- 1:1 (1 lần) cho tỷ suất thanh toán nhanh;
- 3:2 (1,5 lần) cho tỷ suất thanh toán nợ dài hạn.

Nhìn chung mỗi lĩnh vực kinh doanh có một tỷ suất thanh toán tham khảo riêng. Một siêu thị có thể chuyển lượng hàng hóa trong kho thành tiền mặt rất dễ dàng và sẽ có đủ tiền để trả nợ. Do vậy tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của siêu thị khá thấp. Trái lại, tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của một xí nghiệp lắp ráp tàu biển sẽ cao hơn nhiều. Bán được một chiếc tàu thì nhà máy sẽ thu được rất nhiều tiền, nhưng lượng vốn lưu động cần thiết để sản xuất và lưu trữ chiếc tàu thành phẩm trong kho trước khi bán là rất lớn. Để thật sự an toàn, một xí nghiệp lắp ráp tàu phải có tỷ suất thanh toán hiện hành khoảng chừng 4:1, 5:1 hoặc cao hơn nữa.

Cách tốt nhất để kiểm tra khả năng thanh toán là sử dụng cả tỷ suất thanh toán lẫn bảng dự báo tiền mặt (mà chúng ta đã có dịp xem qua trong phần B). Khi làm như vậy, bạn sẽ có một cái nhìn tổng quát về dòng tiền doanh nghiệp dùng để trả nợ.

Để sử dụng phân tích tỷ suất một cách hợp lý, các nhà phân tích cần kết hợp đối chiếu với:

- tỷ suất của doanh nghiệp khác trong cùng ngành nghề, và
- tỷ suất tiêu chuẩn của ngành đó, nếu có.



Tại Việt Nam hiện nay, bạn gần như không thể thu thập thông tin về chỉ tiêu tài chính của toàn ngành. Bạn chỉ có thể so sánh tỷ suất thanh toán của doanh nghiệp bạn với các doanh nghiệp cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên, tiến hành thu thập dữ liệu của đối thủ cạnh tranh không phải là việc dễ dàng. Do đó, bạn phải kết hợp các thông tin tài chính và phi tài chính để có thể đánh giá doanh nghiệp/đối thủ tốt hơn.

2.4 Các tỷ suất sinh lời

2.4.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Là nhà quản lý, bạn có lẽ muốn biết khả năng sinh lời của toàn doanh nghiệp, và so sánh mức đóng góp của từng bộ phận hay từng dự án đầu tư riêng lẻ với tổng thể chung. **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu** (còn gọi là **hệ số sinh lợi**) giúp đánh giá hiệu quả hoạt động, chiến lược kinh doanh mà doanh nghiệp áp dụng.

Để đo lường hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực tại doanh nghiệp, bạn cần quan tâm đến lợi nhuận đạt được tương ứng với mức doanh thu của doanh nghiệp. Tỷ số tài chính dùng cho mục đích này là **tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**, thường được tính theo tỷ lệ phần trăm (%).

Tùy theo yêu cầu về mặt thông tin, doanh nghiệp có thể tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế hoặc sau thuế.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}} \times 100\%$$

Thông thường, nếu chỉ nói Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, bạn nên hiểu là tỷ suất lợi nhuận sau thuế hay còn gọi là **phần trăm lãi thuần**.

Thực hành 36

2 phút 

Dựa vào số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa ở Thực hành 11 (mục 4, phần B), hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế trên doanh thu của doanh nghiệp này.

.....

.....

.....

.....

.....

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu} = \frac{660 \text{ triệu đồng}}{3.000 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 22\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{449 \text{ triệu đồng}}{3.000 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 15\%$$

Như vậy cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, Tinh Hoa có lãi trước thuế 220.000 đồng, đóng thuế 70.000 đồng và còn lại 150.000 đồng lãi sau thuế.



D

Để hiểu đúng tỷ suất sinh lợi, bạn cần so sánh và đối chiếu tỷ suất hiện tại với các tỷ suất của doanh nghiệp trong quá khứ và với một số doanh nghiệp tiêu biểu trong cùng ngành nghề.

Thực hành 37

15 phút



Dưới đây là kết quả hoạt động trong hai năm liên tiếp của hai doanh nghiệp dệt may Đông Dương và Cửu Long.

	Năm 20X1		Năm 20X2	
	Đông Dương	Cửu Long	Đông Dương	Cửu Long
Doanh thu	102	1.500	113	1.420
Lợi nhuận trước thuế	17	211	18	204

Đơn vị tính: triệu đồng

- Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm của Đông Dương.

.....

.....

- Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm của Cửu Long.

.....

.....

- 3 Doanh nghiệp nào đã cải thiện được tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu.

1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Đông Dương

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X1} = \frac{17 \text{ triệu đồng}}{102 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 16,67\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X2} = \frac{18 \text{ triệu đồng}}{113 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 15,93\%$$

Từ các số liệu trên, bạn có thể thấy rằng cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, Đông Dương tạo ra 166.670 đồng lợi nhuận trước thuế trong năm thứ 1, và chỉ tạo ra 159.300 đồng lợi nhuận trước thuế trong năm thứ 2. Điều này có nghĩa là Đông Dương đã giảm lợi nhuận và chắc hẳn đã có vấn đề gì đó trong hoạt động của doanh nghiệp.

2 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Cửu Long

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X1} = \frac{211 \text{ triệu đồng}}{1.500 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 14,07\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X2} = \frac{204 \text{ triệu đồng}}{1.420 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 14,37\%$$

Tương tự như câu trên, bạn thấy rằng kết quả hoạt động kinh doanh của Cửu Long được cải tiến trong năm thứ 2 vì cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, trong năm thứ hai họ đã thu thêm được 3.000 đồng lợi nhuận (= 143.700 – 140.700).

- 3 Cửu Long nâng cao được tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu trong khi Đông Dương lại giảm. Điều đó chứng tỏ rằng hiệu suất sử dụng nguồn lực của Cửu Long đã được cải tiến và Cửu Long đang rút ngắn khoảng cách cách biệt so với Đông Dương. Điều này có thể là do Cửu Long tìm ra biện pháp để kiểm soát chi phí (chẳng hạn như giảm tỷ lệ phế phẩm, dẫn đến chi phí trên 1 đồng doanh thu giảm), hoặc Cửu Long đã có thể nâng giá bán do thương hiệu mặt hàng hoặc uy tín công ty đã được tăng cường.

Bạn cũng cần lưu ý rằng, việc diễn dịch các tỷ số tài chính cần được tiến hành một cách thận trọng và nên đối chiếu với các chứng

cứ xác thực khác. Trong trường hợp ví dụ này, nếu lợi nhuận đạt được của Cửu Long là do doanh nghiệp tự động nâng giá bán lên cao, thì việc tăng lợi nhuận chỉ là món lợi trước mắt. Về lâu dài, các khách hàng sẽ nhận ra chất lượng sản phẩm của Cửu Long không có giá trị tương xứng với số tiền bỏ ra và họ sẽ quay sang đối thủ của Cửu Long.

2.4.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Năng lực quản lý của giám đốc còn có thể được đánh giá thông qua lợi nhuận mà người này kiếm được tương ứng với số tài sản mà họ quản lý. Tỷ số tài chính dùng để đánh giá khả năng quản lý của giám đốc chính là các tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản.

Bạn có hai công thức tính tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

Sử dụng công thức nào phụ thuộc vào mục tiêu phân tích của bạn. Nếu bạn cho rằng giám đốc phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp thì bạn sẽ sử dụng tỷ suất lợi nhuận sau thuế. Nếu bạn cho rằng giám đốc không tác động được đến mức thuế thu nhập của doanh nghiệp thì bạn sẽ sử dụng tỷ suất lợi nhuận trước thuế. Thực ra, việc sử dụng tỷ suất nào sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh giá của bạn nhiều (trừ khi bạn đang có ý định so sánh hiệu quả quản lý của giám đốc làm việc cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau) vì thuế suất thường ổn định và áp đặt từ phía Nhà nước cho mỗi loại hình doanh nghiệp. Điều quan trọng là bạn phải sử dụng cùng công thức khi so sánh.

Thực hành 38

4 phút 

Nếu doanh nghiệp Nam Long trong thực hành 34 và 35 có lợi nhuận trước thuế là 100 triệu và thuế suất thuế lợi tức là 32%. Bạn hãy tính:

1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản của Nam Long.

.....

.....

2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản của Nam Long.

Bạn cần lưu ý rằng: Tổng tài sản = Tài sản lưu động + Tài sản cố định. Do đó,

Tổng tài sản của Nam Long = 138 triệu + 500 triệu = 638 triệu đồng

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản} = \frac{100 \text{ triệu}}{638 \text{ triệu}} \times 100\% = 15,67\%$$

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản = 15,67% nghĩa là nếu chủ đầu tư tăng đầu tư thêm 1 triệu đồng vào tài sản, doanh nghiệp sẽ mang lại lợi nhuận trước thuế cho chủ đầu tư thêm 156.700 đồng.

Lợi nhuận sau thuế được tính bằng lợi nhuận trước thuế trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp của Nam Long} &= 100 \text{ triệu} \times 32\% \\ &= 32 \text{ triệu đồng} \end{aligned}$$

Vậy, lợi nhuận sau thuế của Nam Long = 100 triệu – 32 triệu = 68 triệu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản} = \frac{68 \text{ triệu}}{638 \text{ triệu}} \times 100\% = 10,69\%$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản = 10,69% nghĩa là nếu chủ đầu tư tăng đầu tư thêm 1 triệu đồng vào tài sản, doanh nghiệp sẽ mang lại lợi nhuận sau thuế cho chủ đầu tư thêm 106.900 đồng.

2.5 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu

Nếu bạn đang có ý định đầu tư tiền vào một doanh nghiệp nào đó, bạn phải quan tâm tới **mức lời trên số vốn chủ sở hữu** của doanh nghiệp đó.

Mức lời này được tính bằng một tỷ lệ phần trăm và nó cho biết hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\% = ___\%$$

Lợi nhuận sau thuế có trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Vốn chủ sở hữu lấy từ bảng cân đối kế toán hoặc tính bằng cách lấy giá trị tổng tài sản trừ đi giá trị nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

Thực hành 39

2 phút 



Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Hoa Hương Dương là 1.200 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là 300 triệu đồng. Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của Công ty này.

D

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{300 \text{ triệu đồng}}{1.200 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 25\%$$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bằng 25% có nghĩa là nếu bạn đã đầu tư 1 triệu đồng vào doanh nghiệp này, bạn sẽ thu được 250.000 đồng lợi nhuận.

Cũng như các tỷ suất khác, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cũng khác nhau tùy lĩnh vực kinh doanh. Nhìn chung, các tỷ suất về lợi nhuận phản ánh những mức độ rủi ro của các doanh nghiệp. Các nhà đầu tư thường tìm kiếm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao để bù đắp những thiệt hại khi bị mất trắng.

Thực hành 40

15 phút 



Hãy thu thập báo cáo tài chính cuối năm của doanh nghiệp bạn và của một vài công ty cổ phần có niêm yết thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Tính tỷ suất thanh toán hiện hành, tỷ suất thanh toán nhanh, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn cho mỗi doanh nghiệp. Nếu có đủ số liệu thì tính luôn tỷ suất cho các năm trước.

Viết một bảng tổng kết so sánh giữa các doanh nghiệp với nhau và giữa các năm cho cùng một doanh nghiệp.

Những tỷ suất bạn vừa mới tính sẽ giúp bạn đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp và cho biết hiệu quả sử dụng vốn của những doanh nghiệp này như thế nào. Bảng tổng kết của bạn sẽ rất giống với những phân tích mà các cấp lãnh đạo hoặc nhà đầu tư phải thường xuyên thực hiện.

2.6 Các chỉ số tài chính không bắt buộc

Vậy là bạn vừa khảo sát qua tất cả các chỉ tiêu tài chính mà các doanh nghiệp tại Việt Nam được yêu cầu phải thể hiện trên Thuyết minh báo cáo tài chính, được chia thành 3 nhóm:

- Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn
- Khả năng thanh toán
- Tỷ suất sinh lời

Tuy nhiên, hệ thống báo cáo nội bộ còn chịu sức ép từ ban giám đốc về những chỉ tiêu tài chính khác nhằm phục vụ mục đích quản lý của doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu tài chính thuộc nhóm tỷ suất hoạt động cũng thường được ban giám đốc chú ý phân tích. Các tỷ suất hoạt động phổ biến bao gồm:

- Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tồn kho}} = \underline{\hspace{2cm}} \text{ vòng}$$

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{TSCĐ} + \text{Đầu tư dài hạn}} = \text{---} \text{ vòng}$$

- Kỳ thu tiền bình quân

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Khoản phải thu} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Doanh thu}} = \text{---} \text{ ngày}$$

- Kỳ trả tiền bình quân

$$\text{Kỳ trả tiền bình quân} = \frac{\text{Khoản phải trả} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Giá vốn hàng bán}} = \text{---} \text{ ngày}$$

Ví dụ:

Bạn hãy xét trường hợp của doanh nghiệp Tinh Hoa với các số liệu tài chính như sau:

Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa
Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
A. Tài sản lưu động (TSLĐ)		A. Nợ phải trả (NPT)	
Tiền	200	Nợ ngắn hạn	50
Các khoản phải thu	400	Nợ dài hạn	120
Hàng tồn kho	300	Nợ khác	30
TSLĐ khác	100		200
	1.000		
B. Tài sản cố định (TSCĐ)		B. Nguồn vốn chủ sở hữu (NV CSH)	
TSCĐ hữu hình	1.600	Vốn kinh doanh	3.000
TSCĐ vô hình	320	Lợi nhuận giữ lại	120
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	400		
	2.320		3.120
TỔNG TÀI SẢN	3.320	TỔNG NGUỒN VỐN	3.320

Doanh thu năm 200X của Tinh Hoa = 3.000 triệu đồng

Giá vốn hàng bán năm 200X = 1.800 triệu đồng

Vậy:

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho của Tinh Hoa} = \frac{3.000 \text{ triệu đồng}}{300 \text{ triệu đồng}} = 10 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay TSCĐ của Tinh Hoa} = \frac{3.000 \text{ triệu đồng}}{2.320 \text{ triệu đồng}} = 1,29 \text{ vòng}$$

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân của Tinh Hoa} = \frac{400 \text{ triệu đồng} \times 365 \text{ ngày}}{3.000 \text{ triệu đồng}} = 48,67 \text{ ngày}$$

$$\text{Kỳ trả tiền bình quân của Tinh Hoa} = \frac{50 \text{ triệu đồng} \times 365 \text{ ngày}}{1.800 \text{ triệu đồng}} = 10,14 \text{ ngày}$$

(Giả định toàn bộ khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán của Tinh Hoa là khoản phải trả cho nhà cung cấp: 50 triệu đồng.)

Việc sử dụng chỉ tiêu nào là tùy thuộc vào mục tiêu và yêu cầu quản lý của ban giám đốc doanh nghiệp. Bạn cần lưu ý rằng hai chỉ tiêu kỳ thu tiền/trả tiền bình quân có thể tính theo 360 ngày (cho một năm) hoặc 30 ngày (cho một tháng).

Hãy tự đánh giá 4

12 phút 



- 1 Hãy tính tỷ suất thanh toán hiện hành của doanh nghiệp sản xuất hóa mỹ phẩm Đông Phương. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X thể hiện tài sản lưu động là 2.400 triệu đồng và nợ ngắn hạn là 1.900 triệu đồng.

.....

.....

.....

D

- 2 Hãy tính tỷ suất thanh toán nhanh của Đông Phương nếu sổ sách ngày 31 tháng 12 năm 200X thể hiện giá trị tồn kho là 400 triệu đồng, khách hàng nợ doanh nghiệp 200 triệu đồng.

.....

.....

.....

- 3 Viết công thức tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu.

.....

.....

- 4 Số liệu để tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu lấy từ những báo cáo tài chính nào?

.....

.....

Bạn có thể tham khảo các câu trả lời ở phần *Đáp án bài tập tự đánh giá* ở phần cuối cuốn sách.

3 Tóm tắt



- Các tỷ suất tài chính dùng để phân tích hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp.
- Nếu bạn so sánh các tỷ suất tài chính giữa các năm của cùng một doanh nghiệp, bạn cũng có thể biết xu hướng hoạt động của doanh nghiệp đó.
- Để có được cái nhìn đúng đắn về hiệu quả của một doanh nghiệp, cần so sánh các tỷ suất tài chính của doanh nghiệp này với tỷ suất của các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực hoạt động hoặc đối chiếu với những tỷ suất tiêu chuẩn/bình quân của ngành.
- **Tỷ suất thanh toán hiện hành** là một chỉ số tổng quát về khả năng chi trả nợ của một doanh nghiệp. Tuy nhiên, khả năng thanh toán của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nhiều nếu giá trị tồn kho chiếm tỷ trọng lớn và nhiều khả năng không thể bán lấy tiền mặt hoặc tỷ lệ khoản phải thu cao. Để khắc phục vấn đề này, **tỷ suất thanh toán nhanh** được tính bằng cách loại trừ hàng tồn kho và khoản phải thu khi tính tài sản lưu động.
- **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu** dùng để đo hiệu quả sử dụng tài nguyên của doanh nghiệp.
- **Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản** dùng để đánh giá khả năng quản lý tài sản của giám đốc.
- Cổ đông/chủ sở hữu doanh nghiệp sẽ quan tâm đến **tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu** để quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

4 Suy ngẫm



Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem bạn sẽ áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào? Hãy viết ra những suy nghĩ của bạn:

D



A! Tôi đã học được ...

.....
.....
.....
.....

Áp dụng khi nào?

.....
.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....
.....
.....

A! Tôi đã học được ...

.....
.....
.....
.....

Áp dụng khi nào?

.....
.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....
.....
.....

Đánh giá kết quả

1 Bài kiểm tra nhanh



Đến đây, bạn đã gần như hoàn tất việc nghiên cứu cuốn sách. Hãy trả lời những câu hỏi sau để đánh giá xem liệu bạn đã nắm vững những khái niệm chính đã được nêu trong cuốn sách.

Câu 1 Hãy cho biết tên báo cáo tài chính dùng để lập kế hoạch cho tương lai.

.....

.....

Câu 2 Nguồn vốn của doanh nghiệp được dùng để làm gì?

.....

.....

Câu 3 Hãy cho biết thuật ngữ tài chính dùng để chỉ tài sản của doanh nghiệp được mua để sử dụng trong một thời gian lâu dài. Doanh nghiệp không dự định mua tài sản này để bán kiếm lời.

.....

.....

Câu 4 Bạn hãy giải thích ý nghĩa của từ **NỢ PHẢI THU**.

.....

.....

.....

Câu 5 Theo bạn tài sản lưu động được tính như thế nào?

.....

.....

Đánh giá kết quả

Câu 6 Doanh nghiệp dự đoán được mình cần phải đi vay tiền bằng cách nào?

.....

.....

Câu 7 Lợi nhuận gộp là gì?

.....

.....

.....

Câu 8 Thế nào là khấu hao tài sản cố định?

.....

.....

Câu 9 Bạn hãy viết công thức tính tỷ suất thanh toán nhanh của doanh nghiệp?

.....

.....

Câu 10 Khoản mục nào liên kết bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ?

.....

.....

Câu 11 Tại sao khi phân tích các tỷ suất tài chính, người ta cần tìm hiểu tình hình phát triển chung của lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động?

.....

.....

Bạn có thể tham khảo câu trả lời ở phần *Đáp án bài kiểm tra nhanh* ở cuối cuốn sách.

2 Bài tập tình huống

Doanh nghiệp Hưng Vượng sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm đóng gói. Số liệu tài chính của doanh nghiệp trong hai năm vừa qua như sau:

Số liệu doanh nghiệp năm 20X1:

Doanh thu trong năm là 86.000 triệu đồng. Tồn kho đầu kỳ là 23.500 triệu đồng, tồn kho cuối kỳ là 25.200 triệu đồng. Trong năm, doanh nghiệp đã mua thêm 70.350 triệu đồng hàng hóa. Các chi phí bán hàng là 6.880 triệu đồng và chi phí quản lý trong năm là 4.200 triệu đồng. Thuế suất lợi tức là 32%.

Doanh nghiệp đang sở hữu một miếng đất trị giá 5.800 triệu đồng. Giá trị của nhà xưởng và trang thiết bị (đã trừ khấu hao) là 5.771 triệu đồng. Khoản phải trả là 32.800 triệu đồng. Tiền mặt trong két và trong ngân hàng là 3.700 triệu đồng. Khoản phải thu là 8.420 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu là 12.500 triệu đồng và giá trị lợi nhuận để lại là 3.591 triệu đồng (đã tính lợi nhuận trong năm).

Số liệu doanh nghiệp trong năm 20X2:

Doanh thu trong năm là 88.500 triệu đồng. Tồn kho cuối kỳ là 24.350 triệu đồng. Trong năm, doanh nghiệp đã mua thêm là 68.250 triệu đồng hàng hóa. Các chi phí bán hàng là 9.850 triệu đồng và chi phí quản lý trong năm là 5.440 triệu đồng. Thuế suất lợi tức là 32%.

Miếng đất của doanh nghiệp vẫn giữ trị giá 5.800 triệu đồng. Giá trị của nhà xưởng và trang thiết bị (đã trừ khấu hao) là 20.850 triệu đồng. Khoản phải trả là 34.700 triệu đồng. Ngoài ra, năm nay doanh nghiệp cũng phải vay dài hạn ngân hàng số tiền là 1.500 triệu đồng. Tiền mặt trong két và trong ngân hàng là 6.370 triệu đồng. Khoản phải thu là 13.300 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu là 27.000 triệu đồng và giá trị lợi nhuận để lại là 7.470 triệu đồng (đã tính lợi nhuận trong năm).

Dùng các số liệu trên để lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 của hai năm vừa qua. Sau khi đã lập bảng xong, hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Đánh giá kết quả

- 1 Tổng tài sản lưu động từng năm của doanh nghiệp là bao nhiêu?
- 2 Hãy tính hệ số thanh toán nhanh cho từng năm.
- 3 Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trong từng năm.
- 4 Bạn hãy nhận xét về tình hình hoạt động của công ty.

Hãy tóm lược và suy ngẫm

1 Tóm lược và suy ngẫm

Đến lúc này bạn đã hoàn tất sách cuốn *Kế toán dành cho nhà quản lý*, chúng ta hãy cùng nhau xem xét lại những gì chúng ta đã thu hoạch được.

Bạn sẽ có thể:

- **Giải thích tại sao doanh nghiệp phải theo dõi sổ sách kế toán.**

Chúng ta đã biết rằng tất cả các hoạt động của doanh nghiệp thực chất là các quyết định sử dụng tài nguyên (thực chất chủ yếu là tiền) để tạo ra tài sản (cũng là các dạng khác nhau của tiền). Bạn chỉ có thể quản lý được doanh nghiệp nếu bạn biết các dạng tiền đó đi từ đâu và đã được sử dụng như thế nào.

- Là một nhà quản lý, có thể bạn đang phải làm việc với các khách hàng. Bạn có thể biết được hiện giờ khách hàng bạn đang nợ tổng cộng là bao nhiêu không? Bạn có cách nào cải thiện được tình hình công nợ của khách hàng không? Bạn hãy ghi chú các ý tưởng của bạn vào đây.

.....

.....

.....

Mục tiêu thứ hai của cuốn sách là:

- **Đọc và hiểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán.**

Chúng ta đã làm việc qua các yếu tố chính cấu thành nên hai bảng báo cáo tài chính trên. Bạn đã biết được nhiều thuật ngữ tài chính liên quan và một vài thủ tục kế toán. Do đó, bạn sẽ hiểu rõ hơn các mối quan tâm của nhà quản lý khi đáp ứng các yêu cầu của chủ đầu tư và chủ nợ. Có thể bây giờ bạn hiểu rõ hơn các quyết định quản lý mà lúc trước bạn chưa rõ.

- Bạn hãy nghĩ đến một thay đổi lớn trong doanh nghiệp của bạn trong thời gian gần đây. Theo bạn, sự thay đổi này sẽ ảnh hưởng

đến bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán thế nào?

.....

.....

.....

.....

Mục tiêu thứ ba là:

- **Mô tả thủ tục lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ để dự báo và kiểm soát nguồn tiền.**

Chúng ta đã xem qua các nguyên lý dự báo tiền mặt và kiểm soát chúng. Bạn cũng đã biết tiền mặt quan trọng như thế nào cho sự sống còn của doanh nghiệp bằng cách thực hiện báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Bạn có thể không tham gia vào việc dự báo và kiểm soát tiền mặt. Tuy nhiên, bạn có thể đảm bảo rằng tiền mặt của doanh nghiệp đã không bị phí phạm bằng cách đảm bảo các nhân viên của bạn đã tối thiểu hóa các hao hụt.
-
-

Mục tiêu cuối cùng là:

- **Sử dụng các tỷ số tài chính để phân tích hiệu quả kinh doanh.**

Chúng ta đã được giới thiệu về phương pháp phân tích tài chính và bạn đã học được cách sử dụng một vài tỷ số tài chính. Một lần nữa, bạn sẽ thấy quan điểm của ban giám đốc và cả những người ngoài công ty bị ảnh hưởng thế nào khi xem các tỷ số này. Bạn sẽ thấy khi ra quyết định các nhà quản lý đều phải lưu ý đến điều này.

- Bạn hãy tính thử các tỷ số thanh toán trong vài năm vừa qua của công ty bạn. Bạn có thể kết luận điều gì về khuynh hướng hoạt động tài chính của doanh nghiệp bạn. Nếu bạn phát hiện một khuynh hướng nào đó xảy ra đối với doanh nghiệp của bạn, hãy ghi nhận những chính sách quản lý có thể gây ra khuynh hướng này.

-
-
- Nếu các tỷ số này tương đối ổn định, bạn có nghĩ là các tỷ số của doanh nghiệp bạn hợp lý không (ứng với ngành hoạt động của doanh nghiệp bạn)?
-
-

Bây giờ bạn hãy xem lại **mục tiêu học** mà bạn đã tự đặt ra cho mình ở đầu cuốn sách. Bạn tự đánh giá xem mục tiêu đã đạt được ở mức độ nào?

.....

.....

.....

Có lẽ bạn đã phần nào thỏa mãn với mục tiêu nắm bắt kiến thức, nhưng còn những mục tiêu mang tính chất hành động thì sao? Phần tiếp theo sẽ giúp bạn áp dụng những kiến thức mà bạn gặt hái được vào thực tiễn công việc.

2 Kế hoạch hành động

2.1 Kế hoạch hành động là gì?

Kế hoạch hành động là một công cụ giúp bạn áp dụng những gì rút ra được từ cuốn sách vào thực tế công việc.

2.2 Làm thế nào để lập một kế hoạch hành động?

Đây là lúc bạn xem lại những ghi chép của mình ở trang *Suy ngẫm* sau mỗi phần trong cuốn sách và những câu trả lời ở mục *Tóm lược và suy ngẫm*.

Trước tiên, hãy xác định các mục tiêu mà bạn mong muốn đạt được là gì? Để đạt được các mục tiêu này, bạn có thể sẽ gặp phải những vấn đề nào? Hãy liệt kê chúng. Sau đó hãy phân tích xem để giải quyết từng vấn đề, bạn sẽ cần thực hiện những hành động gì, với các nguồn lực nào, và trong thời gian bao lâu?

Hãy đảm bảo những kế hoạch hành động bạn đặt ra cho từng mục tiêu luôn đáp ứng các tiêu chí sau:

- cụ thể;
- có thể đo lường được;
- có thể đạt được;
- có tính thực tế;
- thời hạn hợp lý.

Ví dụ:

Mục tiêu mơ hồ không cụ thể: Phát hiện các nguyên nhân gây ra lỗ trong kỳ. Dùng chỉ số tài chính để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Mục tiêu SMART:

Xác định kết quả kinh doanh lỗ 100 triệu đồng trong năm tài chính 200X là do phòng ban nào? So sánh các chỉ số khả năng thanh toán và chỉ số sinh lợi của năm nay với năm trước để đánh giá hiệu quả kinh doanh và khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra giải pháp để tăng hiệu quả sử dụng vốn và giảm rủi ro tín dụng.

Để đảm bảo tính khả thi, trong một kế hoạch hành động, bạn chỉ nên đề xuất một mục tiêu cần đạt được và không quá 3 vấn đề cần thiết phải giải quyết.

2.3 Làm gì với kế hoạch hành động?

Khi đã lập xong kế hoạch hành động, bạn nên bắt tay ngay vào việc thực hiện. Đừng để bất kỳ điều gì trì hoãn bạn! Trong quá trình thực hiện, rất có thể sẽ có những yếu tố ảnh hưởng đến những dự kiến của bạn. Bạn hãy phân tích kỹ lưỡng những ảnh hưởng này và trong trường hợp cần thiết, bạn đừng e ngại gì nếu phải thay đổi một số dự kiến trong kế hoạch hành động của mình. Nhưng lưu ý rằng cuối cùng bạn phải đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Kế hoạch hành động là dành cho bạn. Trừ phi bạn không yêu cầu, không ai đánh giá, chấm điểm và xem xét kế hoạch của bạn. Hãy treo kế hoạch hành động ở nơi làm việc và bắt tay thực hiện ngay!

Bạn nên xem xét lại kế hoạch của mình theo định kỳ (có thể hàng tháng) và điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết. Hãy xem lại:

- những gì đang phát huy tác dụng?
- những gì cần được cải tiến?
- làm thế nào để có thể thực hiện các cải tiến đó?

Khi đã thực hiện xong kế hoạch hành động, bạn đừng nên vội vàng cất nó vào ngăn bàn. Bạn nên dành chút thời gian để đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động và so sánh xem kết quả mà bạn đạt được có như mong muốn hay không. Điều này sẽ giúp cho bạn tích lũy kinh nghiệm để thực hiện thành công các kế hoạch hành động trong tương lai.

Đừng quên ghi nhận những tiến bộ mà bạn đã đạt được. Hãy ăn mừng những thành công của mình!

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Mục tiêu mà tôi muốn đạt được là:

--

Những vấn đề cần giải quyết	Những việc cần phải làm	Nguồn lực cần huy động	Thời gian thực hiện

Kết quả thực tế

--

3 Đáp án bài tập tự đánh giá

Bài tập tự đánh giá 1

- 1 Ba quyết định cơ bản của doanh nghiệp là: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ tài chính và quyết định hoạt động.
- 2 Năm lợi ích của việc ghi chép kế toán:
 - (1) Giúp doanh nghiệp biết mình đang mắc nợ bao nhiêu (cả chủ sở hữu và chủ nợ)
 - (2) Giúp doanh nghiệp biết ai nợ doanh nghiệp bao nhiêu
 - (3) Giúp doanh nghiệp biết họ đang sở hữu những gì
 - (4) Giúp doanh nghiệp có cơ sở để kiểm tra các hoạt động kinh doanh
 - (5) Giúp doanh nghiệp có dữ liệu để lập kế hoạch cho tương lai
- 3 Lợi nhuận của doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

Doanh nghiệp cần phải có lợi nhuận để:

- (1) Có thể tái đầu tư, thay thế các máy móc lỗi thời, hay hư hỏng
- (2) Có thể mở rộng sản xuất
- (3) Có thể trả tiền lãi vay cho chủ nợ hay trả tiền lời cho cổ đông/chủ sở hữu

Bài tập tự đánh giá 2

- 1 Các lợi ích chính của các bảng báo cáo tài chính là:
 - a Giúp doanh nghiệp chuẩn bị các báo cáo đáp ứng yêu cầu của cơ quan thuế, và các tổ chức chính quyền có liên quan.
 - b Cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin quan trọng để đánh giá tình hình hoạt động và tình hình tài chính của mình.
 - c Giúp doanh nghiệp biết được sức khỏe tài chính của mình.
 - d Giúp doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả công việc của các nhà quản lý.
 - e Giúp doanh nghiệp tránh được tranh cãi với các đối tác của mình.
- 2 Phương trình kế toán cơ bản là:

$$\text{Tổng tài sản} = \text{Tổng nợ} + \text{Tổng vốn chủ sở hữu}$$

- 3 Bảng cân đối kế toán gồm hai phần chính là tổng tài sản và tổng nguồn vốn.
- 4 Dòng tiền được tạo ra từ ba hoạt động chính như sau: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.
- 5 Lợi nhuận/lỗ
- 6 Tiền

Bài tập tự đánh giá 3

- 1 a-(ii): Vốn chủ sở hữu - vốn do chủ doanh nghiệp bỏ ra
b-(i): Tài sản cố định - tài sản của doanh nghiệp, và không được mua đi bán lại
c-(v): Vốn lưu động - Tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn
d-(vi): Chi phí nhân công - chi phí trả cho người lao động trong doanh nghiệp
e-(vii): Chi phí chung - các chi phí phụ như thuê nhà, điện nước,...
f-(iv): Con nợ - người nợ tiền doanh nghiệp
g-(iii): Chủ nợ - người mà doanh nghiệp nợ tiền

2

Doanh nghiệp Bảo An
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu		155.000
Trừ đi giá vốn hàng bán		78.000
Lợi nhuận gộp		77.000
Chi phí hoạt động		
Chi phí hoạt động	18.000	
Lãi vay ngân hàng	2.000	
Khấu hao	8.000	28.000
Lợi nhuận trước thuế		49.000
Thuế lợi tức (32%)		15.680
Lợi nhuận thuần		33.320
Cổ tức (40%)		13.328
Lợi nhuận chưa phân phối		19.992

Doanh thu = doanh thu tiền mặt + doanh thu bán chịu

$$= 132.000 + 23.000 = 155.000 \text{ triệu đồng}$$

Giá vốn hàng bán = tồn kho đầu kỳ + mua hàng hóa – tồn kho cuối kỳ

$$= 15.000 + 75.000 - 12.000 = 78.000 \text{ triệu đồng}$$

- 3 Lượng tiền mặt vào đầu tháng Sáu của Hường là:

Vốn khởi sự + doanh thu tiền mặt – mua hàng hóa tiền mặt – chi phí khác tiền mặt = $250 + 350 - 275 - 45 = 280$ triệu đồng

Lượng tiền mặt vào đầu tháng Bảy của Hường là:

Tiền mặt đầu tháng 6 + doanh thu tiền mặt – mua hàng hóa tiền mặt – chi phí khác tiền mặt = $280 + 316 - 253 - 50 = 293$ triệu đồng

Vì chiếc xe tải trị giá 250 triệu đồng nên Hường có thể mua xe.

- 4 Khi doanh nghiệp nới rộng thời gian cho khách hàng trả chậm (không tính lãi suất) thì khách hàng sẽ hoãn trả tiền cho doanh nghiệp. Tài khoản khoản phải thu sẽ tăng lên. Nếu mọi thứ khác giữ nguyên, tài khoản tiền mặt của ngân hàng sẽ giảm xuống, doanh nghiệp sẽ thiếu tiền mặt để hoạt động. Nếu doanh nghiệp muốn hoạt động được bình thường thì họ có thể phải huy động thêm nguồn vốn từ chủ sở hữu hay đi vay. Ngoài ra, việc nới rộng tín dụng cho khách hàng cũng sẽ làm cho doanh nghiệp rủi ro hơn vì có thể khách hàng sẽ không trả tiền cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc nới rộng tín dụng cho khách hàng cũng mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp: doanh thu (và thị phần) sẽ tăng lên.

Do đó, doanh nghiệp phải cân nhắc giữa lợi ích và chi phí/rủi ro để từ đó đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp nhất.

Bài tập tự đánh giá 4

- 1 Tỷ suất thanh toán hiện hành của Đông Phương = $\frac{2.400}{1.900} = 1,26$ lần
- 2 Tỷ suất thanh toán nhanh = $\frac{(2.400 - 400 - 200)}{1.900} = 0,95$ lần

$$3 \text{ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

4 Số liệu để tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu lấy từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4 Đáp án một số bài tập thực hành

Thực hành 2

Khi bạn hoàn tất, bạn sẽ có một bảng giống như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Doanh nghiệp nợ bạn	Bạn nợ người khác
Thứ hai	77	50
Thứ ba	77	45
Thứ tư	77	80
Thứ năm	77	60
Thứ sáu	77	20
Thứ bảy	77	40
Chủ nhật	0	20
Tổng cộng	462	315

Dưới góc độ doanh nghiệp, bạn sẽ làm công việc tương tự nhưng với các con số lớn hơn.

Thực hành 17

Trước tiên, bạn phải tính giá vốn hàng bán theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá vốn hàng bán} &= \text{Tồn kho đầu kỳ} + \text{Mua hàng} - \text{Tồn kho cuối kỳ} \\ &= 7.000 + 25.000 - 5.000 = 27.000 \end{aligned}$$

Vậy bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đơn giản hóa) của công ty có dạng giống như sau:

Cửa hàng thời trang Sành Điệu
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	60.000
Giá vốn hàng bán	(27.000)
Lợi nhuận gộp	33.000
Lương nhân viên bán hàng	(10.000)
Chi phí tiện ích (điện, nước, điện thoại..)	(5.000)
Lãi vay ngân hàng	(8.000)
Chi phí hoạt động	(23.000)
Lợi nhuận thuần trước thuế	10.000

5 Đáp án bài kiểm tra nhanh

- Câu 1 Bảng dự báo tiền mặt. Tuy nhiên, các bảng khác cũng có thể được sử dụng.
- Câu 2 Nguồn vốn của doanh nghiệp được dùng để mua tài sản cố định và cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Câu 3 Tài sản cố định.
- Câu 4 Chỉ bản thân khách hàng hay số tiền mà khách mua thiếu.
- Câu 5 Tài sản lưu động được tính bằng cách lấy Tổng tài sản trừ đi Tài sản cố định.
- Câu 6 Doanh nghiệp dùng bảng dự báo tiền tệ để xác định thời gian mình cần vay tiền và số lượng cần phải vay
- Câu 7 Lợi nhuận gộp được tính bằng cách lấy doanh thu trừ giá vốn hàng bán. Nó là thước đo sự thành công của việc mua và bán của doanh nghiệp.
- Câu 8 Khấu hao tài sản cố định là một chi phí được tính toán trên giấy tờ bằng cách ghi giảm giá tài sản cố định. Nguyên nhân của việc giảm giá tài sản cố định là do tài sản bị hư hỏng, bị lỗi thời hay bị cũ.
- Câu 9 Tỷ số thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Tồn kho – Khoản phải thu)/ Nợ ngắn hạn

- Câu 10 Số dư tiền mặt của bảng cân đối tài sản sẽ bằng với số dư tiền mặt của bảng lưu chuyển tiền tệ.
- Câu 11 Vì các lĩnh vực khác nhau sẽ tạo ra các yêu cầu khác nhau. Ví dụ, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực siêu thị phải có lượng hàng tồn kho khác với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng điện tử.

6 Đáp án bài tập tình huống

Giá vốn hàng bán được tính bằng công thức sau:

Giá vốn hàng bán = Tồn kho đầu kỳ + Mua hàng – Tồn kho cuối kỳ

Tồn kho đầu kỳ năm 20X2 sẽ chính là tồn kho cuối kỳ năm 20X1

Vậy giá vốn hàng bán của các năm như sau:

Giá vốn hàng bán năm 20X1 = 23.500 + 70.350 – 25.200 = 68.650

Giá vốn hàng bán năm 20X2 = 25.200 + 68.250 – 24.350 = 69.100

Từ đó, ta xây dựng được Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán như sau:

Doanh nghiệp Hưng Vượng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 20X1

Đơn vị tính: triệu đồng

	20X2	20X1
Doanh thu	88.500	86.000
Trừ đi giá vốn hàng bán	69.100	68.650
Lợi nhuận gộp	19.400	17.350
Chi phí hoạt động		
Chi phí bán hàng	9.850	6.880
Chi phí quản lý	5.440	4.200
Lợi nhuận trước thuế	4.110	6.270
Thuế lợi tức (32%)	1.315	2.006
Lợi nhuận ròng	2.795	4.264

Doanh nghiệp Hưng Vượng
Bảng tổng kết tài sản vào ngày 31 tháng 12 năm 20X2

	Đơn vị tính: triệu đồng	
	20X2	20X1
Tài sản lưu động		
Tiền gửi ngân hàng	6.370	3.700
Khoản phải thu	13.300	8.420
Tồn kho	24.350	25.200
Tài sản cố định		
Trang thiết bị, nhà xưởng	20.850	5.771
Đất	5.800	5.800
Tổng tài sản	<u>70.670</u>	<u>48.891</u>
Nợ phải trả		
Phải trả ngắn hạn	34.700	32.800
Nợ dài hạn	1.500	0
Vốn chủ sở hữu		
Vốn cổ phần	27.000	12.500
Lợi nhuận để lại	7.470	3.591
Tổng nguồn vốn	<u>70.670</u>	<u>48.891</u>

1 Tổng tài sản lưu động của doanh nghiệp:

Năm 20X1: $3.700 + 8.420 + 25.200 = 44.020$

Năm 20X2: $6.370 + 13.300 + 24.350 = 37.320$

2 Hệ số thanh toán nhanh

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh 20X1} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh 20X1} = \frac{3.700 + 0}{32.800} \times 100\% = 11,28\%$$

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh 20X2} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh 20X2} = \frac{6.370 + 0}{34.700} \times 100\% = 18,36\%$$

3 Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 20X1} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 20X1} = \frac{4.264}{12.500 + 3.591} \times 100\% = 26,50\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 20X2} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 20X2} = \frac{2.795}{27.000 + 7.470} \times 100\% = 8,11\%$$

- 4 Bạn có thể thấy rằng hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp rất nhỏ, nhưng tỷ lệ thanh toán nhanh trong năm 20X2 cao hơn năm 20X1. Điều này có nghĩa là rủi ro thanh toán trong năm 20X2 của doanh nghiệp giảm.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trong năm 20X2 giảm khá nhiều so với năm 20X1. Điều này có nghĩa là năm 20X2 doanh nghiệp hoạt động ít hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, để đánh giá chính xác hơn về vấn đề này, bạn cần lưu ý một số điểm như sau:

- Hưng Vượng kinh doanh trong ngành thực phẩm. Do đó, vào thời điểm lập báo cáo cuối năm cũng chính là thời điểm kinh doanh nhộn nhịp nhất của doanh nghiệp. Tồn kho thành phẩm sẽ tăng rất nhiều nhằm đáp ứng các nhu cầu tăng cao trong các dịp lễ tết. Điều này sẽ làm cho các tỷ số thanh toán (hiện thời hay nhanh) rất nhỏ.
- Trong năm 20X2, doanh nghiệp đã đầu tư lớn vào trang thiết bị (trị giá tài sản cố định tăng) và phải huy động thêm vốn cổ phần (trị giá vốn chủ sở hữu tăng). Khi bạn đầu tư vào các hệ thống sản xuất lớn, bạn không thể hy vọng thu hồi vốn ngay trong năm được. Do đó, việc giảm lợi nhuận ròng và tỷ lệ lời trên vốn chủ sở hữu thấp là chuyện có thể dự báo được. Hơn nữa, nếu doanh nghiệp tăng vốn chủ sở hữu lên cao, lẽ đương nhiên, theo công thức toán học thì khả năng giảm tỷ lệ lời trên vốn cũng giảm.

- Việc đánh giá doanh nghiệp dựa trên 2 tỷ số tài chính là không thỏa đáng. Bạn có rất nhiều tỷ số để đánh giá, ví dụ như vòng quay tồn kho, tỷ lệ khoản phải thu trên doanh thu, v.v... Bạn cũng nên lưu ý rằng việc lựa chọn tỷ số nào để đánh giá và tiêu chuẩn đánh giá ra sao sẽ phụ thuộc rất nhiều vào mục tiêu và tầm quan trọng của thông tin này đến các quyết định của bạn.

Hãy tóm lược và suy ngẫm

Cty :.....

Mẫu số B 01-DN

Mã Số Thuế:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31 - 12 - 20X1

Đơn vị tính: Triệu Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
1	2	3	4
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100	114.565	129.424
I. Tiền	110	16.146	7.705
1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	111	1.1468	525
2. Tiền gửi ngân hàng	112	14.678	7.180
3. Tiền đang chuyển	113	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121	-	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128	-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-
III. Các khoản phải thu	130	60.848	77.110
1. Phải thu của khách hàng	131	52.297	66.790
2. Trả trước cho người bán	132	4.284	8.317
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133	291	718
4. Phải thu nội bộ	134	-	-

. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	135	-	-
. Phải thu nội bộ khác	136	-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3.976	1.285
6. Dự phòng khoản phải thu khó đòi (*)	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	30.418	39.610
1. Hàng mua đang đi trên đường	141	-	-
2. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142	15.702	18.628
3. Công cụ, dụng cụ trong kho	143	1.164	890
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	144	7.276	11.673
5. Thành phẩm tồn kho	145	6.551	8.859
6. Hàng hóa tồn kho	146	94	968
7. Hàng gửi đi bán	147	911	116
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(1.280)	(1.280)
V. Tài sản lưu động khác	150	7.153	4.999
1. Tạm ứng	151	456	908
2. Chi phí trả trước	152	397	283
3. Chi phí chờ kết chuyển	153	-	-
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	154	-	-
5. Các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	155	6.300	3.808
VI. Chi sự nghiệp	160	-	-
1. Chi sự nghiệp năm trước	161	-	-
2. Chi sự nghiệp năm nay	162	-	-

Hãy tóm lược và suy ngẫm

B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200	68.563	92.420
I. Tài sản cố định	210	60.344	81.861
1. Tài sản cố định hữu hình	211	56.840	79.470
. Nguyên giá	212	94.046	130.260
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213	(37.206)	(50.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214	-	-
. Nguyên giá	215	-	-
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	216	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	3.504	2.391
. Nguyên giá	218	7.414	7.414
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	219	(3.910)	(5.023)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	5.013	7.013
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	3.500	5.500
2. Góp vốn liên doanh	222	1.513	1.513
3. Đầu tư dài hạn khác	228	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	229	-	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	3.206	3.546
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250	183.128	221.844

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
1	2	3	4
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	33.330	48.123
I. Nợ ngắn hạn	310	29.930	37.243
1. Vay ngắn hạn	311	-	5.049
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312	-	-
3. Phải trả cho người bán	313	10.838	14.850
4. Người mua trả tiền trước	314	14	23
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	2.309	1.293
6. Phải trả công nhân viên	316	785	3.018
7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	15.984	13.010
II. Nợ dài hạn	320	-	8.011
1. Vay dài hạn	321	-	8.011
2. Nợ dài hạn khác	322	-	-
III. Nợ khác	330	3.400	2.869
1. Chi phí phải trả	331	3.400	2.869
2. Tài sản thừa chờ xử lý	332	-	-
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	333	-	-

B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	149.798	173.721
I. Nguồn vốn, quỹ	410	146.915	170.678
1. Nguồn vốn kinh doanh	41	120.000	120.000
2. Cổ phiếu ngân quỹ	418	(11.466)	(13.883)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412	-	-
4. Chênh lệch tỷ giá	413	-	(53)
5. Quỹ đầu tư phát triển	414	31.370	31.002
6. Quỹ dự phòng tài chính	415	7.011	5.773
7. Lợi nhuận chưa phân phối	416	-	27.839
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	417	-	-
II. Nguồn kinh phí	420	2.883	3.043
1. Quỹ dự phóng về trợ cấp mất việc làm	421	1.820	1.762
2. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	422	1.063	1.281
3. Quỹ quản lý của cấp trên	423	-	-
4. Nguồn kinh phí sự nghiệp	424	-	-
. Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	425	-	-
. Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	426	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	427	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430	183.128	221.844

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
1. Tài sản cho thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
4. Ngoại tệ các loại	36.74	5.88
5. Hạn mức kinh phí còn lại	-	-
6. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	41.116	55.813

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn().

Lập ngày ... tháng năm

Kế Toán Trưởng

Giám Đốc

Hãy tóm lược và suy ngẫm

Cty :.....

Mẫu số B 02-DN

Mã Số Thuế :

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 20X1

PHẦN I - LÃI LỖ

Đơn vị tính: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỲ TRƯỚC	KỲ NÀY	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
Tổng doanh thu	1	168.416	184.601	
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu	2	5.035	4.936	
Các khoản giảm trừ (04+05+06+07)	3	1.248	1.670	
+ Chiết khấu	4	-	-	
+ Giảm giá	5	-	-	
+ Hàng bán bị trả lại	6	1.248	1.670	
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	7	-	-	
1. Doanh thu thuần (01-03)	10	167.168	182.931	
2. Giá vốn hàng bán	11	113.653	121.885	
3. Lợi nhuận gộp (10-11)	20	53.515	61.046	
4. Chi phí bán hàng	21	12.498	11.120	
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.689	8.244	
6. Lợi nhuận thuần từ h.động kinh doanh [20-(21+22)]	30	34.328	41.682	

. Thu nhập hoạt động tài chính	31	561	379
. Chi phí hoạt động tài chính	32	57	374
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính (31-32)	40	504	5
. Các khoản thu nhập bất thường	41	2	2.266
. Chi phí bất thường	42	7	-
8. Lợi nhuận bất thường (41-42)	50	(5)	2.266
9. Tổng lợi nhuận trước thuế (30+40+50)	60	34.827	43.953
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	70	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế (60-70)	80	34.827	43.953

PHẦN II – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CÒN PHẢI NỘP ĐẦU KỲ	SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		SỐ CÒN PHẢI NỘP CUỐI KỲ
			SỐ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ NỘP	SỐ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ NỘP	
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4-5
I. Thuế	10	2.274	17.135	18.154	-	-	1.255
1. Thuế GTGT hàng nội địa	11	1.977	9.041	10.558			460
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	291	4.238	3.811			718
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13						-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	41	1.431	1.357			115
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15		2.343	2.343			-
6. Thu trên vốn	16						-
7. Thuế tài nguyên	17						-
8. Thuế nhà đất	18						-
9. Tiền thuế đất	19						-
10. Các loại thuế khác	20	(35)	82	85			(38)
II. Các khoản phải nộp khác	30						-
1. Các khoản phụ thu	31						-
2. Các khoản phí, lệ phí	32						-
3. Các khoản phải nộp khác	33						-
TỔNG CỘNG	40	2.274	17.135	18.154	-	-	1.255

PHẦN III – THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐƯỢC HOÀN LẠI, ĐƯỢC MIỄN GIẢM

Đơn vị tính: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ TIỀN	
		KỲ NÀY	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	291	
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	9.198	
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại (12=13+14+15)	12	8.770	
Trong đó			
a/ Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	8.758	
b/ Số thuế GTGT đã hoàn lại	14	-	
c/ Số thuế GTGT không được khấu trừ	15	12	
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (16=10+11-12)	16	719	
II. Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20	-	
2. Số thuế GTGT được hoàn lại	21	-	
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22	-	
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23	-	

Hãy tóm lược và suy ngẫm

III. Thuế GTGT được miễn giảm			
1. Số thuế GTGT còn được miễn giảm đầu kỳ	30	-	
2. Số thuế GTGT được miễn giảm	31	-	
3. Số thuế GTGT đã được miễn giảm	32	-	
4. Số thuế GTGT còn được miễn giảm cuối kỳ (33=30+31-32)	33	-	
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	1.977	
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	17.967	
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	8.758	
4. Thuế GTGT hàng bán trả lại, bị giảm giá	43	167	
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44	-	
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp Ngân sách Nhà nước	45	10.558	
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	46	460	

Ghi chú: Các chỉ tiêu có dấu (x) nếu không có số liệu.

Lập ngày... tháng.... năm.....

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Giám Đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký; họ tên & đóng dấu)

Cty:

Mẫu số B 03-DN

Mã Số Thuế:

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 20X1

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
Lợi tức trước thuế	1	43.953	
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao TSCĐ	2	14.697	
- Các khoản dự phòng	3	-	
- Lãi, lỗ do bán TSCĐ	4	-	
- Lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản và chuyển đổi tiền tệ	5	-	
- Lãi do đầu tư vào các đơn vị khác	6	(70)	
- Thu lãi tiền gửi	7	(309)	
Lợi tức kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	10	58.271	
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	11	(15.835)	
- (Tăng)/Giảm khoản TSLĐ khác	12	2.154	
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	13	9.192)	
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	14	4.021	
- Tăng/(Giảm) các khoản thuế phải trả	15	(1.443)	
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả khác	16	4.308	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	42.284	

Hãy tóm lược và suy ngẫm

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	-	
- Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư vào đơn vị khác	22	70	
- Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	
- Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(2.340)	
- Tiền mua tài sản cố định	25	(36.214)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.484)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu do đi vay	31	7.480	
- Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	309	
- Tiền đã trả nợ vay	34	-	
- Tiền đã hoàn vốn bên hợp tác kinh doanh	35	-	
- Tiền chi mua cổ phiếu ngân quỹ	36	(2.417)	
- Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	37	(17.613)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.241)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.441)	
Tiền tồn đầu kỳ	60	16.146	
Tiền tồn cuối kỳ	70	7.705	

Lập ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng
(ký, họ tên)

Giám Đốc
(ký, họ tên & đóng dấu)

Cty:.....

Mẫu số B 03-DN

Mã Số Thuế:

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 20X1
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
- Tiền thu bán hàng	1	170.704	
- Tiền thu từ các khoản nợ phải thu	2	(4.033)	
- Tiền thu từ các khoản khác	3	4.845	
- Tiền đã trả cho người bán	4	(125.355)	
- Tiền đã trả cho công nhân viên	5	(4.518)	
- Tiền đã nộp thuế và các khoản khác cho Nhà nước	6	(1.443)	
- Tiền đã trả cho các khoản nợ phải trả khác	7	5.058	
- Tiền đã trả cho các khoản khác	8	(2.974)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	42.284	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền thu hồi các khoản đầu tư của đơn vị khác	21	-	
- Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác.	22	70	
- Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	

Hãy tóm lược và suy ngẫm

- Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(2.340)	
- Tiền mua tài sản cố định	25	(36.214)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.484)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu do đi vay	31	7.480	
- Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	309	
- Tiền đã trả nợ vay	34	-	
- Tiền đã hoàn vốn bên hợp tác kinh doanh	35	-	
- Tiền chi mua cổ phiếu ngân quỹ	36	(2.417)	
- Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	37	(17.613)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.241)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.441)	
Tiền tồn đầu kỳ	60	16.146	
Tiền tồn cuối kỳ	70	7.705	

Lập ngày... tháng... năm.....

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng

(ký, họ tên)

Giám Đốc

(ký, họ tên & đóng dấu)

KẾ TOÁN DÀNH CHO NHÀ QUẢN LÝ KHÁM PHÁ BÍ MẬT CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chịu trách nhiệm xuất bản : Tiến sĩ QUÁCH THU NGUYỆT
Biên tập : THÀNH NAM
Bìa : TRÍ ĐỨC
Sửa bản in : PHẠM NGUYỄN
Kỹ thuật vi tính : THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành Phố Hồ Chí Minh

ĐT : 9316289 - 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9350973

Fax : 84.8.8437450 - Email : Nxbtre @HCM.vnn.vn

Website : [Http://www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh Q. Đống Đa. Hà Nội

ĐT : (04) 7734544

Fax : (04) 7734544

E-mail : vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

Khổ 16 x 24cm, Số 59-2007/CXB/604-201/ĐKKH/Tre Quyết định xuất bản số: 131A/QĐ-Tre, ngày 24 tháng 01 năm 2007. In 2.000 cuốn, tại Công ty cổ phần in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q. Phú Nhuận - TP. HCM. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2007.

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

- Chủ doanh nghiệp và chức năng quản lý nguồn nhân
- Phân tích công việc
- Mô tả công việc, yêu cầu chuyên môn và các tiêu chuẩn công việc
- Thu hút, tìm kiếm và lựa chọn nguồn nhân lực
- Hệ thống tiền công và tiền lương

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH & KẾ TOÁN

- Kiểm soát chi phí
- Lập & quản lý ngân sách doanh nghiệp
- Kế toán dành cho nhà quản lý
- Phân tích dự án đầu tư

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ MARKETING

- Thu thập thông tin về khách hàng
- Thu thập thông tin về quá trình và xu hướng mua hàng khách hàng
- Thị trường mục tiêu
- Các khái niệm cơ bản về Marketing
- Kế hoạch hóa và phát triển sản phẩm
- Giá và chiến lược giá
- Khuyến trương sản phẩm và quảng cáo
- Chăm sóc khách hàng

BỘ SÁCH QUẢN TRỊ SẢN XUẤT & VẬN HÀNH

- Kiểm soát nguồn lực vật chất
- Tìm hiểu về chất lượng
- Đạt chất lượng
- Đánh giá chất lượng

BỘ SÁCH TĂNG HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CÁ NHÂN

- Tạo động lực làm việc
- Thiết lập và sử dụng quyền lực
- Quản lý thời gian
- Thuật lãnh đạo nhóm
- Lãnh đạo sự thay đổi
- Ủy thác công việc hiệu quả
- Hội họp và thuyết trình
- Để trở nên hiệu quả hơn
- Giải quyết vấn đề
- Ra và thực thi quyết định
- Hoạch định và kiểm soát công việc

KẾ TOÁN DÀNH CHO NHÀ QUẢN LÝ

Kế toán không đơn thuần là công việc của nhân viên kế toán. Kế toán là công cụ của nhà quản lý để hoạch định ngân sách cho tương lai, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cuốn sách này có thể giúp bạn nâng cao hiểu biết về lĩnh vực kế toán thông qua việc đọc và hiểu báo cáo tài chính, từ đó giúp bạn có thêm thông tin để ra quyết định tốt nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

Hoàn tất cuốn sách này, bạn có thể:

- giải thích nằm lý do chính tại sao doanh nghiệp phải theo dõi sổ sách kế toán;
- đọc và hiểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán;
- mô tả thủ tục lập dự báo tiền mặt để kiểm soát nguồn tiền;
- sử dụng các tỷ số tài chính để phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



kế toán dành cho nhà quản



26.500 VNĐ

Giá : 26.500 đ